

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

Thanh Hóa, năm 2023

UBND TỈNH THANH HÓA  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA,  
THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
Số: 834/QĐ-DVTD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 6 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo 20 ngành đào tạo đại học  
hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HÓA

Căn cứ Quyết định 1221/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTD ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Ban hành Chương trình đào tạo 20 ngành đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá.

(Danh sách kèm theo)

**Điều 2:** Chương trình đào tạo 20 ngành đào tạo đại học hệ chính quy được áp dụng cho các khoá tuyển sinh, bắt đầu từ năm 2023.

**Điều 3:** Các đơn vị phòng Quản lý Đào tạo, phòng Thanh tra, phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục, các ông/bà Trưởng Khoa, Trưởng Bộ môn, giảng viên liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VP, QLĐT.




**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 20 NGÀNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 828/QĐ-ĐHYTH ngày 11 tháng 6... năm 2023*  
*của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá)*

TT	Tên chương trình dạy học
1.	Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non
2.	Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Âm nhạc
3.	Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Mỹ thuật
4.	Chương trình đào tạo ngành Thanh Nhạc
5.	Chương trình đào tạo ngành Thiết kế thời trang
6.	Chương trình đào tạo ngành Đồ họa
7.	Chương trình đào tạo ngành Du lịch
8.	Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành
9.	Chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn
10.	Chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất
11.	Chương trình đào tạo ngành Quản lý thể dục thể thao
12.	Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh
13.	Chương trình đào tạo ngành Luật
14.	Chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước
15.	Chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa
16.	Chương trình đào tạo ngành Công tác xã hội
17.	Chương trình đào tạo ngành Công nghệ truyền thông
18.	Chương trình đào tạo ngành Thông tin thư viện
19.	Chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học
20.	Chương trình đào tạo ngành Sư phạm tin học

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 6 năm 2023

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

**Ngành: Quản lý Văn hóa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 834 /QĐ-ĐVTDL ngày 14 tháng 6 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)*

### **I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân ngành Quản lý văn hóa có kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; kiến thức về công nghệ thông tin và ngoại ngữ; kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu và kiến thức thực tế về ngành Quản lý văn hóa; có khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ vào thực tiễn một cách chủ động và sáng tạo; có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm nghề nghiệp; rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời và năng lực nghiên cứu khoa học; có khả năng khởi nghiệp đóng góp cho sự phát triển của văn hóa Việt Nam và hội nhập quốc tế.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

- PO1: *Hiểu* biết kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, chính trị và pháp luật, công nghệ thông tin, ngoại ngữ và các vấn đề đương đại vào hoạt động quản lý các lĩnh vực văn hóa – nghệ thuật.

- PO2: *Trang bị kiến thức, kỹ năng* thực hành nghề nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý văn hóa tại các cơ quan công lập, tổ chức và doanh nghiệp; có kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ của nghề.

- PO3: *Hình thành năng lực* tự chủ tự chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với cộng đồng trong hoạt động nghề nghiệp và tự chịu trách nhiệm với nghề về chất lượng và hiệu quả công việc theo kế hoạch đã lập ra; hướng dẫn truyền bá phổ biến kiến thức thuộc ngành đào tạo. Năng lực tự nghiên cứu, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ với định hướng nghề nghiệp.

- PO4: *Rèn luyện* kiến thức kỹ năng học tập suốt đời, năng lực tự nghiên cứu, tác phong chuyên nghiệp, khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ vào thực tiễn một cách chủ động và sáng tạo, biết cách tiếp cận các thành tựu khoa học kỹ thuật mới, các giá trị văn hóa và khả năng khởi nghiệp góp cho sự phát triển của Văn hóa Việt Nam và hội nhập quốc tế.

### **II. THÔNG TIN TUYỂN SINH**

#### **1. Hình thức tuyển sinh:**

Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, theo đề án của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**2. Thời gian đào tạo:** 48 tháng

**3. Đối tượng tuyển sinh:**

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

### III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Cấu trúc Chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số TC
1	Kiến thức Giáo dục đại cương: <b>31TC</b>	Bắt buộc	31
		Tự chọn	0
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: <b>80 TC</b>		80
2.1	Kiến thức cơ sở ngành: 27 TC	Bắt buộc	21
		Tự chọn	6
2.2	Kiến thức ngành: 53 TC	Bắt buộc	49
		Tự chọn	4
3	Thực tế, thực tập, báo cáo tốt nghiệp: 14 TC		14
	<b>Tổng số tín chỉ của CTĐT</b>		<b>125</b>

#### 2. Khung chương trình và kế hoạch đào tạo

##### 2.1. Khung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết
				Giờ lý thuyết	Giờ thảo luận/ bài tập	Giờ thực hành	Tự học	
<b>1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương:</b>		<b>31</b>	không tính GDTC và GDQP-AN				
1.	ĐC001	Triết học Mác - Lê nin The principles of Marxism – Leninism	3	36	9	0	90	Không
2.	ĐC002	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin Political economics of Marxism and Leninsm	2	24	6	0	60	ĐC001
3.	ĐC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2	24	6	0	60	ĐC002

4.	ĐC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's thought	2	24	6	0	60	ĐC003
5.	ĐC005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam History of Vietnam Communist party	2	24	6	0	60	ĐC004
6.	ĐC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam Introduction to Vietnamese culture	3	36	9	0	90	Không
7.	ĐC007	Pháp luật đại cương Introduction to laws	3	36	9	0	90	Không
8.	ĐC008	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific research method	2	24	6	0	60	Không
9.	NN001	Tiếng Anh 1 English 1	3	36	9	0	90	Không
10.	NN002	Tiếng Anh 2 English 2	3	36	9	0	90	Không
11.	NN003	Tiếng Anh 3 English 3	3	36	9	0	90	Không
12.	ĐC012	Tin học Informatics	3	18	03	48	90	Không
	GDTC	Giáo dục thể chất Physical Education	5					Không
	GDQP	Quốc phòng - An ninh National Defence Education	165t					Không
<b>2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>80</b>					
<b>2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>27</b>					
<b>a</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>21</b>					
13.	QVH009	Tiến trình lịch sử Việt Nam Vietnam's historical progress	3	36	9	0	90	Không
14.	QVH002	Văn hóa các dân tộc ít người ở Việt Nam Culture of Vietnamese Ethnic minorities	3	36	9	0	90	ĐC006
15.	QVH003	Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam Vietnamese belief and religion	3	36	9	0	90	Không
16.	QVH007	Khoa học quản lý Management Science	3	36	9	0	90	ĐC002
17.	QVH017	Văn hóa công sở Office culture	3	36	9	0	90	ĐC006
18.	QVH012	Kinh tế học văn hóa Economic cultural Studies	3	36	9	0	90	ĐC002
19.	QVH010	Quản lý Nhà nước về	3	36	9	0	90	QVH007

		Văn hóa State management of Culture.						
<b>b</b>	<b>Các học phần tự chọn (Chọn 3 trong 6 học phần)</b>		<b>6</b>					
20.	QVH005	Làng xã cổ truyền của người Việt Traditional Vietnamese villages	2	24	6	0	60	Không
21.	QVH004	Văn hóa dân gian Việt Nam Vietnamese folk culture	2	24	6	0	60	ĐC006
22.	QVH008	Văn hóa học Culturology	2	24	6	0	60	Không
23.	QVH001	Dân tộc học General ethnology	2	24	6	0	60	Không
24.	QVH043	Xã hội học văn hóa Culture sociology	2	24	6	0	60	ĐC006
25.	QVH051	Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính Techniques of drafting administrative documents	2	15	03	24	60	ĐC012 QVH007
<b>2.2.</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>53</b>					
<b>a</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>49</b>					
26.	QVH014	Chính sách văn hóa Vietnamese Cultural policies	3	36	9	0	90	ĐC002
27.	QVH015	Công nghiệp văn hóa Cultural Industry	3	36	9	0	90	QVH014
28.	QVH020	Quản lý thiết chế văn hóa Management of cultural institutions	4	48	12	0	120	QVH007
29.	QVH021	Quản lý di sản văn hóa Management of cultural heritage	4	30	06	48	120	QVH007
30.	QVH023	Quản lý nguồn nhân lực văn hóa Management of cultural human resource	4	48	12	0	120	QVH007
31.	QVH028	Xây dựng văn hóa cộng đồng Building community culture	3	36	09	0	90	QVH007
32.	QVH027	Xây dựng kế hoạch, dự án văn hóa Building cultural project	3	18	03	48	90	QVH007
33.	QVH044	Quản lý nhà nước về gia đình State management of Family	3	36	09	0	90	QVH007
34.	QVH025	Quản lý hoạt động biểu	3	36	09	0	90	QVH014

		diễn nghệ thuật Management of art performance activities							
35.	QVH048	Quản lý hoạt động mỹ thuật Management of art activities	3	36	09	0	90	QVH007	
36.	QVH050	Quản lý hoạt động thông tin, truyền thông Management of mass media activities	3	36	9	0	90	Không	
37.	QVH052	Gây quỹ và tìm tài trợ Fundraising	3	18	03	48	90	ĐC002	
38.	CNT017	Thiết kế ấn phẩm truyền thông Designing media publications	3	18	03	48	90	CNT002	
39.	QVH022	Tổ chức sự kiện Event management	3	18	03	48	90	QVH007	
40.	QVH030	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp Building an overall art program	4	12	0	96	120	QVH007	
<b>b</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)</b>		<b>4</b>						
41.	QVH045	Kỹ năng giao tiếp Communicative Skills	2	15	03	24	60	Không	
42.	QVH058	Teambuilding Teambuilding	2	6	0	48	60	Không	
43.	QVH032	Quản lý dịch vụ văn hóa Cultural service Management	2	24	06	0	60	Không	
44.	QVH016	Marketing văn hóa nghệ thuật Art - culture Marketing	2	24	06	0	60	QVH007	
<b>3.</b>	<b>Thực tập, thực hành, Báo cáo tốt nghiệp</b>		<b>14</b>						
45.	QVH019	Thực tế chuyên ngành Field trip	3	0	0	135	135		
46.	QVH034	Thực tập cuối khóa Final Internship	5	0	0	225	225		
47.	QVH068	Báo cáo tốt nghiệp Final Internship	6	0	0	270	270		
<b>Tổng (Không tính GDTC và GDQP-AN)</b>			<b>125</b>						

## 2.2. Kế hoạch đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện								Bộ môn quản
				1	2	3	4	5	6	7	8	



		người ở Việt Nam Culture of Vietnamese Ethnic minorities										
15.	QVH003	Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam Vietnamese belief and religion	3			3						QLVH
16.	QVH007	Khoa học quản lý Management Science	3			3						QLVH
17.		Văn hóa công sở Office culture	3			3						QLVH
18.	QVH012	Kinh tế học văn hóa Economic cultural Studies	3			3						QLVH
19.	QVH010	Quản lý Nhà nước về Văn hóa State management of Culture.	3				3					QLVH
<b>b</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 3 trong 6 học phần)</b>		<b>6</b>		<b>6</b>							
20.	QVH005	Làng xã cổ truyền của người Việt Traditional Vietnamese villages	2									QLVH
21.	QVH004	Văn hóa dân gian Việt Nam Vietnamese folk culture	2									QLVH
22.	QVH008	Văn hóa học Culturology	2									QLVH
23.	QVH001	Dân tộc học General ethnology	2									QLVH
24.	QVH043	Xã hội học văn hóa Culture sociology	2									QLVH
25.	QVH051	Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính Techniques of drafting administrative documents	2									
<b>2.2.</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>53</b>									
<b>a</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>49</b>									
26.	QVH014	Chính sách văn hóa Cultural policies	3				3					QLVH
27.	QVH015	Công nghiệp văn hóa Cultural Industry	3				3					QLVH
28.	QVH020	Quản lý thiết chế văn hóa Management of cultural institutions	4						4			QLVH
29.	QVH021	Quản lý di sản văn hóa Management of cultural heritage	4						4			QLVH

30.	QVH023	Quản lý nguồn nhân lực văn hóa Management of cultural human resource	4					4				QLVH
31.	QVH028	Xây dựng văn hóa cộng đồng Building community culture	3						3			
32.	QVH027	Xây dựng kế hoạch, dự án văn hóa Building cultural project	3					3				QLVH
33.	QVH044	Quản lý nhà nước về gia đình State management of Family	3							3		QLVH
34.	QVH025	Quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật Management of art performance activities	3							3		QLVH
35.	QVH048	Quản lý hoạt động mỹ thuật Management of art activities	3							3		QLVH
36.	QVH050	Quản lý hoạt động thông tin, truyền thông Management of mass media activities	3						3			QLVH
37.	QVH052	Gây quỹ và tìm tài trợ Fundraising	3						3			QLVH
38.	CNT017	Thiết kế ấn phẩm truyền thông Designing media publications	3				3					
39.	QVH022	Tổ chức sự kiện Event management	3							3		QLVH
40.	QVH030	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp Building an overall art program	4								4	QLVH
<b>b</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)</b>		<b>4</b>					<b>4</b>				
41.	QVH045	Kỹ năng giao tiếp Communicative Skills	2									QLVH
42.	QVH058	Teambuilding Teambuilding	2									
43.	QVH016	Marketing văn hóa nghệ thuật Art - culture Marketing	2									QLVH
44.	QVH032	Quản lý dịch vụ văn hóa Cultural service	2									QLVH

		Management										
<b>4</b>	<b>Thực tế, thực tập và Báo cáo tốt nghiệp</b>		<b>14</b>									
45.	QVH019	Thực tế chuyên ngành Field trip	3					3				QLVH
46.	QVH034	Thực tập cuối khóa Final Internship	5								5	QLVH
47.	QVH068	Báo cáo tốt nghiệp Final Internship	6								6	QLVH
<b>Tổng (Không tính GDTC và GDQP-AN)</b>			<b>125</b>	<b>15</b>	<b>17</b>	<b>16</b>	<b>14</b>	<b>16</b>	<b>16</b>	<b>16</b>	<b>15</b>	

### **3. Mô tả tóm tắt học phần**

#### **3.1. Triết học Mác - Lê nin**

##### **3.1.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Đây là học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ đại học theo quy định chung của Bộ Giáo dục đào tạo. Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ những lý luận cơ bản theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác Lênin đòi hỏi phải có sự cập nhật thông tin thường xuyên và liên tục nhằm làm sáng tỏ những luận điểm đã nêu, đồng thời có sự vận dụng sáng tạo trong tình hình cụ thể của đất nước nhằm giúp người học có được định hướng đúng đắn và có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay.

##### **3.1.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

- Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của triết học Mác – Lênin;
- Lịch sử hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin đối với đời sống xã hội;
- Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

##### **3.1.3. Năng lực cần đạt**

- Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích và bình luận các hiện tượng mang tính phổ quát diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy.
- Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để hiểu, giải thích và bình luận được các vấn đề chính trị, xã hội trong nước và quốc tế.
- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn Kinh tế chính trị học Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam và các môn khoa học pháp lí.
- Năng lực tư duy logic, khoa học.
- Năng lực phân tích, so sánh, tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề khoa học, đặc biệt có ý nghĩa quan trọng đối với việc nghiên cứu các môn khoa học pháp lí.

##### **3.1.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy**

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

### *3.1.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo*

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, (Giáo trình dự thảo).

2. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2010), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

### *3.1.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:*

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: 1 bài kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: 1 bài thi trắc nghiệm trên máy tính

## **3.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin**

### *3.2.1. Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm các nội dung sau:

- Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

- Sự ra đời phát triển của sản xuất hàng hóa; nguồn gốc, bản chất và chức năng cơ bản của tiền; dịch vụ và các hàng hóa đặc biệt; thị trường và các chủ thể tham gia thị trường.

- Sự sản xuất giá trị thặng dư là cơ sở tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản; sự tích lũy tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư.

- Lý luận của Lênin về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; vấn đề độc quyền và độc quyền nhà nước.

- Tính tất yếu khách quan và đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay; vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

- Công nghiệp hóa – hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay.

### *3.2.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

- Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, tiền tệ; sự ra đời, tồn tại và các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản, những thành tựu và hạn chế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

- Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay.

### *3.2.3. Năng lực cần đạt*

- Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để hiểu, giải thích và bình luận được các vấn đề kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế.

- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam và các môn khoa học khác.

- Phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình.

- Năng lực tư duy logic, khoa học.

### *3.2.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy*

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

### *3.2.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo*

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

### *3.2.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:*

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thi trắc nghiệm trên máy tính

## **3.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học**

### *3.3.1. Tóm tắt nội dung học phần*

Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học như: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; nghiên cứu vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; những vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

### *3.3.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

Người học khái quát, trình bày được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa xã hội khoa học và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Bao gồm quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa xã hội, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong

thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; những vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

### **3.3.3. Năng lực cần đạt**

- Từ những tri thức cơ bản, cốt lõi về chủ nghĩa xã hội khoa học, người học có khả năng vận dụng tri thức đã học vào việc đánh giá, xem xét những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

- Vận dụng được kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

### **3.3.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy**

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

### **3.3.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo**

1. Giáo trình *Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021) Bộ giáo dục và Đào tạo, Nxb Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.

2. Giáo trình *Chủ nghĩa xã hội khoa học* (2008), Bộ Giáo dục & Đào tạo, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội.

### **3.3.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:**

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà, quá trình chuẩn bị phần tự học, phần thảo luận trước khi đến lớp.

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết hoặc vấn đáp.

- Đánh giá kết thúc học phần: thi trắc nghiệm trên máy tính.

## **3.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

### **3.4.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các trường ĐH và CĐCN trong cả nước. Giúp sinh viên những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, qua đó từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

Từ những lý luận cơ bản theo quan điểm của Hồ Chí Minh đòi hỏi phải có sự cập nhật thông tin thường xuyên và liên tục nhằm làm sáng tỏ những luận điểm đã nêu, đồng thời có sự vận dụng sáng tạo trong tình hình cụ thể của đất nước nhằm giúp sinh viên có được định hướng đúng đắn và có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay. Các nội dung trong tư tưởng Hồ Chí Minh được hình thành và phát triển gắn với các thời kỳ hoạt động của Hồ Chí Minh trong phong trào cách mạng Việt Nam và quốc tế vào đầu và giữa thế kỷ 20. Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh nhận định Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết tinh của văn hóa dân tộc Việt Nam, tư tưởng cách mạng Pháp, tư tưởng tự do của Hoa Kỳ, lý tưởng cộng sản Mác-Lênin, tư tưởng văn hóa phương Đông, văn hóa phương Tây và phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh.

### *3.4.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

- Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; về Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người.

### *3.4.3. Năng lực cần đạt*

- Hiểu rõ khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh. Nắm được nội dung kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; nắm rõ các nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và về Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa; về đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam vào sự nghiệp đổi mới đất nước; về văn hóa, đạo đức, con người. Qua đó, sinh viên biết vận dụng vào thực tiễn, thể hiện trách nhiệm xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào trong cuộc sống hàng ngày và trong lĩnh vực công tác

- Có bản lĩnh, lập trường vững vàng; có tư duy lý luận và có đạo đức trong sáng.

### *3.4.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy*

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

### *3.4.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo*

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*. Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010.

### *3.4.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:*

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết
- Đánh giá kết thúc học phần: thi trắc nghiệm trên máy tính

## **3.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

### *3.5.1. Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các trường ĐH và CĐCN trong cả nước.

Học phần gồm có 4 chương (kể cả chương nhập môn), bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có

hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng thông qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ từ năm 1945 đến năm 1975 cũng như lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ năm 1975 đến nay (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quản chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...).

### *3.5.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

- Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

- Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)

- Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)

### *3.5.3. Năng lực cần đạt*

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Giúp sinh viên nhận rõ Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, Đảng lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động; một đảng phấn đấu vì độc lập, tự do, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Giúp sinh viên hiểu rõ nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống, khách quan về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

- Giúp sinh viên nắm được khái quát nội dung các Đại Hội Đảng, đường lối, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ, những tri thức có hệ thống về quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ sau ngày thống nhất đất nước năm 1975 đến nay.

### *3.5.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy*

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

### *3.5.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo*

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

2. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010.

### *3.5.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:*

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thi trắc nghiệm trên máy tính

## **3.6. Cơ sở văn hóa Việt Nam**

### *3.6.1. Tóm tắt nội dung học phần*

Môn học cung cấp các nội dung kiến thức về văn hoá và văn hoá Việt Nam: các vấn đề lý luận chung về văn hoá và văn hoá học; cấu trúc, hình thái, các thành tố và chức năng của văn hoá; diễn trình lịch sử văn hoá Việt Nam từ khi con người xuất hiện đến hiện nay và không gian văn hoá Việt Nam nhằm giúp sinh viên hiểu và nắm vững những hiểu biết căn bản về văn hoá Việt Nam. Mặt khác, môn học cũng sẽ giúp sinh viên có ý thức giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

### *3.6.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

Môn học này hướng đến 3 nội dung chính sau:

- Những vấn đề cơ bản về văn hóa và văn hóa Việt Nam: văn hóa và văn hóa học; môi trường văn hóa; tiếp xúc và giao lưu văn hóa; những thành tố cơ bản của văn hóa Việt Nam.

- Diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam: văn hóa Việt Nam thời tiền - sơ sử; văn hóa Việt Nam thiên niên kỷ đầu công nguyên; Văn hóa Việt Nam thời tự chủ; Văn hóa Việt Nam từ 1858 đến nay.

- Không gian và các vùng văn hóa Việt Nam: vùng văn hóa Tây Bắc; Vùng văn hóa Việt Bắc; Vùng văn hóa châu thổ Bắc bộ; vùng văn hóa Trung Bộ; vùng văn hóa Tây Nguyên và vùng văn hóa Nam Bộ.

### *3.6.3. Năng lực cần đạt*

- Kỹ năng đọc, phương pháp nghiên cứu, tra cứu tư liệu, phân tích, tổng hợp, và khả năng làm việc theo nhóm và nghiên cứu độc lập.

- Tự xác định các chủ đề nghiên cứu để phục vụ học tập và công tác sau khi ra trường, đủ khả năng nghiên cứu viết các bài tham luận khoa học về văn hóa Việt Nam.

- Tuyên truyền giới thiệu và giữ gìn, khai thác phát huy các giá trị văn hóa dân tộc. Đối với sinh viên sư phạm nghệ thuật, sinh viên âm nhạc, mỹ thuật, phục vụ công tác giảng dạy.

### *3.6.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy*

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

### *3.6.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo*

1. Trần Ngọc Thêm (2000), *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Trần Quốc Vượng (chủ biên), (2009), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Tái bản lần thứ 11, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

### 3.6.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết/vấn đáp

- Đánh giá kết thúc học phần: thi trắc nghiệm trên máy tính

### 3.7. **Pháp luật đại cương**

#### 3.7.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần là môn khoa học pháp lý cơ bản giới thiệu những vấn đề chung nhất về Nhà nước và pháp luật; về vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý; về pháp chế xã hội chủ nghĩa; đồng thời giới thiệu tổng quan về hệ thống chính trị, tìm hiểu những vấn đề cơ bản về các hệ thống cơ quan trong bộ máy Nhà nước hiện nay và tìm hiểu những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta và pháp luật chuyên ngành. Nghiên cứu đồng thời mối quan hệ biện chứng giữa nhà nước và pháp luật trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Phương pháp tiếp cận pháp luật Việt Nam. Qua đó thể hiện ý thức công dân, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật; biết lựa chọn hành vi và khẳng định sự tự chủ của mình trong các quan hệ xã hội, trong lao động, trong cuộc sống hàng ngày.

#### 3.7.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Những vấn đề chung nhất về Nhà nước và pháp luật; về vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý; về pháp chế xã hội chủ nghĩa;

- Tổng quan về hệ thống chính trị, các hệ thống cơ quan trong bộ máy Nhà nước hiện nay, những nội dung cơ bản của những ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật nước ta và pháp luật chuyên ngành.

- Mối quan hệ biện chứng giữa nhà nước và pháp luật trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Phương pháp tiếp cận pháp luật Việt Nam.

#### 3.7.3. Năng lực cần đạt

- Năng lực tranh luận có cơ sở khoa học để giải quyết những vấn đề có liên quan đến pháp luật;

- Năng lực vận dụng kiến thức đã học vào trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật, chính sách, quyền và lợi ích tại nơi làm việc và trong công đồng dân cư; phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày.

- Có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội (thực hiện và tuyên truyền thực hiện nội quy, quy chế, các quy định khác đối với công dân... và cách xử sự trong các mối quan hệ).

#### 3.7.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

### *3.7.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo*

1. Lê Minh Toàn (2005), *Pháp luật đại cương*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Đông (2012), *Giáo trình lý luận về nhà nước và pháp luật*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Thanh Thuý (2015), *Giáo trình pháp luật đại cương*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Duy Quang (2008), *Đại cương về nhà nước và pháp luật*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

### *3.7.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:*

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết/vấn đáp
- Đánh giá kết thúc học phần: thi trắc nghiệm trên máy tính

## **3.8. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học**

### *3.8.1. Tóm tắt nội dung học phần*

Môn học cung cấp hệ thống kiến thức lý luận về phương pháp, nguyên tắc và những yêu cầu trong nghiên cứu khoa học; nội dung cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học và quy trình tổ chức, triển khai thực hiện đề tài khoa học. Mặt khác, môn học cũng sẽ giúp sinh viên thực hành nghiên cứu đề tài khoa học theo chuyên ngành đào tạo.

### *3.8.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

- Các khái niệm về khoa học, phương pháp luận NCKH.
- Nghiên cứu các vấn đề đối tượng, nhiệm vụ, mục đích, vai trò và ý nghĩa của phương pháp luận NCKH.
- Các quy luật và tiêu chí xác định, đánh giá các sản phẩm khoa học.
- Các phương pháp cơ bản trong nghiên cứu khoa học; phương pháp thực hiện một đề tài khoa học nói chung; quy trình tổ chức quản lý, triển khai đề tài khoa học.

### *3.8.3. Năng lực cần đạt*

- Sinh viên thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học cơ bản như: kỹ năng xây dựng đề cương, cách thức lựa chọn đề tài nghiên cứu, triển khai nghiên cứu ứng dụng vào từng ngành học; rèn luyện phát triển tư duy khoa học, khả năng nghiên cứu làm việc nhóm, làm việc cá nhân.

- Chủ động đề xuất đề tài nghiên cứu khoa học, viết được đề cương chi tiết (báo cáo thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học,...).

- Chủ động tìm kiếm và thiết lập các vấn đề nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế liên quan đến chuyên ngành học tập.

### *3.8.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy*

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp trên lớp (hoặc dạy trực tuyến)
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, thảo luận, vấn đáp.

### *3.8.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo*

1. Vũ Cao Đàm (2011), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Giáo dục (Tái bản lần thứ nhất).

2. Phạm Viết Vương (2004), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

### *3.8.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:*

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết/vấn đáp

- Đánh giá kết thúc học phần: thi viết tự luận

## **3.9. Tiếng Anh 1**

### *3.9.1. Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần Tiếng Anh 1 bao gồm 3 tín chỉ, là chương trình dành cho đối tượng bắt đầu học tiếng Anh như một ngoại ngữ. Chương trình cung cấp cho người học những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng cơ bản và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở dạng làm quen ban đầu và những chủ điểm quen thuộc như gia đình, giải trí, học tập, nghỉ lễ, ăn uống, công việc tương lai, v.v.

### *3.9.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

- Hệ thống từ vựng về một số chủ đề như: số đếm, số thứ tự, thông tin cá nhân, nghề nghiệp, gia đình, thời gian, thức ăn, đồ uống, hoạt động thường ngày, đồ dùng gia đình, sở thích...

- Các điểm ngữ pháp cơ bản như: Thời hiện tại đơn giản với động từ tobe, các động từ tình thái, các từ chỉ số lượng, danh động từ, đại từ chỉ thị... và vận dụng những điểm ngữ pháp này vào trong các tình huống giao tiếp trong môi trường có yếu tố quốc tế.

### *3.9.3. Năng lực cần đạt*

#### ***Năng lực Nói:***

- Sinh viên có thể giao tiếp trong các tình huống đơn giản và quen thuộc.

- Sinh viên có thể tham gia một cuộc hội thoại đơn giản, mặc dù họ có thể không duy trì được một cuộc hội thoại lâu

#### ***Năng lực Nghe:***

- Sinh viên có thể hiểu các cụm từ quen thuộc liên quan đến cuộc sống xung quanh (ví dụ: thông tin cá nhân và gia đình, mua sắm, việc làm, vv).

- Sinh viên có thể nắm bắt được điểm chính trong các thông báo ngắn gọn, rõ ràng, và đơn giản.

#### ***Năng lực Đọc:***

- Sinh viên có thể đọc các văn bản rất ngắn và đơn giản. Họ có thể tìm thấy thông tin cụ thể trong các tài liệu đơn giản hàng ngày như quảng cáo, ghi chú, tin nhắn, thư ngắn và thời gian biểu, vv.

#### ***Năng lực Viết:***

Sinh viên có thể viết những ghi chú, tin nhắn ngắn gọn, đơn giản để diễn đạt các thông tin cơ bản của cuộc sống.

#### **3.9.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy**

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận nhóm, giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết)

- Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình thảo luận nhóm, giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết).

#### **3.9.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo**

1. Sarah Cunning Harm, Peter Moor (2010). New Cutting Edge Elementary. Longman
2. Clive Oxeden & Paul Seligson (2009), New English life- Elementary, NXB Lao động, Hà Nội.
3. A. Blackwell & T. Naber (2009), English Know How 1, Oxford University Press.
4. [Trần Mạnh Tường (2006), Chuyên đề ngữ pháp Tiếng Anh, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

#### **3.9.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:**

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra vấn đáp

- Đánh giá kết thúc học phần: thi trắc nghiệm trên máy tính

### **3.10. Tiếng Anh 2**

#### **3.10.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Tiếng Anh 2 bao gồm 3 tín chỉ. Học phần cho người học những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng thông thường và các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở dạng ban đầu và những chủ điểm quen thuộc như các hoạt động hàng ngày, sức khỏe, kỳ nghỉ về một kỳ nghỉ trong quá khứ v.v.

#### **3.10.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

- Hệ thống từ vựng về một số chủ đề như: các hoạt động hàng ngày, sức khỏe, kỳ nghỉ về một kỳ nghỉ trong quá khứ.....

- Các điểm ngữ pháp cơ bản như: There is/there are, thời hiện tại đơn giản với động từ to be và động từ thường, thời quá khứ đơn, thời quá khứ tiếp diễn... và vận dụng những điểm ngữ pháp này vào trong các tình huống giao tiếp trong môi trường có yếu tố quốc tế.

#### **3.10.3. Năng lực cần đạt**

##### **Năng lực Nói:**

- Luyện tập kỹ năng nói trước đám đông về các chủ đề: các hoạt động hàng ngày, một kỳ nghỉ trong quá khứ, miêu tả trang phục hàng ngày, các hoạt động bảo vệ sức khỏe...

- Luyện giao tiếp trong nhóm (pairwork, groupwork) như phỏng vấn, tranh luận về một vấn đề hoặc thực hành các tình huống giao tiếp (đi du lịch, tham gia các hoạt động bảo vệ sức khỏe...)

- Thực hành hệ thống từ vựng, các điểm ngữ pháp bằng hoạt động nói theo cặp, theo nhóm.

#### ***Năng lực Nghe:***

- Sinh viên luyện phát âm đúng các âm cơ bản, luyện trọng âm trong đơn vị từ, cụm từ để hiểu đúng nghĩa.

- Sinh viên hiểu nội dung đoạn hội thoại và trả lời các câu hỏi liên quan đến nội dung bài.

#### ***Năng lực Đọc:***

- Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu: đọc nắm ý chính của văn bản, đọc để tìm hiểu thông tin chi tiết, đọc và đoán nghĩa từ vựng... qua các đoạn, bài đọc về các chủ đề (các hoạt động hàng ngày, một kỳ nghỉ trong quá khứ, những hoạt động trong quá khứ...)

#### ***Năng lực Viết:***

Rèn luyện kỹ năng viết từ câu, đoạn đến một văn bản hoàn chỉnh về các chủ đề cụ thể sau khi đã học hệ thống từ vựng, cấu trúc ngữ pháp.

#### ***3.10.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy***

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận nhóm, giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết)

- Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận nhóm, giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết).

#### ***3.10.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo***

1. Sarah Cunning Harm, Peter Moor (2010). New Cutting Edge Elementary. Longman
2. Clive Oxeden & Paul Seligson (2009), New English life- Elementary, NXB Lao động, Hà Nội.
3. A. Blackwell & T. Naber (2009), English Know How 1, Oxford University Press.
4. Trần Mạnh Tường (2006), Chuyên đề ngữ pháp Tiếng Anh, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

#### ***3.10.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:***

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra vấn đáp

- Đánh giá kết thúc học phần: thi trắc nghiệm trên máy tính

### ***3.11. Tiếng Anh 3***

#### ***3.11.1. Tóm tắt nội dung học phần***

Học phần Tiếng Anh 3 gồm 3 tín chỉ. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ trong tiếng Anh bao gồm:

+ Những kiến thức nâng cao về Ngữ pháp, Ngữ âm và Từ vựng.

+ Phát triển các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ như Nghe, Nói, Đọc, Viết trên cơ sở nắm chắc lý thuyết và thực hành thành thạo.

Từ những kiến thức nâng cao, này sinh viên có thể vận dụng để thực hành giao tiếp, làm bài tập tình huống, phát triển các kỹ năng (*Nghe, Nói, Đọc, Viết*) Tiếng Anh giao tiếp trong môi trường có yếu tố quốc tế

### *3.11.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

- Hệ thống từ vựng liên quan đến các chủ điểm được rèn luyện kỹ trong các bài nghe, nói, đọc, viết như: hoạt động giải trí, công việc thường ngày, cảm xúc, ngoại hình, tham vọng và giấc mơ, đặc điểm địa lí...

- Các điểm lý thuyết liên quan đến hệ thống ngữ âm quốc tế, trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu, cách phát âm –ed,... để vận dụng một cách hiệu quả trong nghe, nói.

- Các điểm ngữ pháp: Thời, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, tương lai đơn, tương lai gần, câu khuyên nhủ, câu so sánh, mạo từ, lượng từ...

### *3.11.3. Năng lực cần đạt*

#### ***Năng lực Nói:***

- Thực hiện các cuộc hội thoại không chuẩn bị trước về những chủ đề như hoạt động giải trí, công việc thường ngày, cảm xúc, ngoại hình, tham vọng và giấc mơ, du lịch, sự kiện đang diễn ra;

- Sử dụng ngôn ngữ để giải quyết các tình huống nảy sinh trong quá trình du lịch ở nơi ngôn ngữ đó được sử dụng như đặt vé máy bay, đặt phòng, hỏi đường ...;

- Kết hợp các cụm từ thành câu và sử dụng các cấu trúc câu tương ứng để miêu tả sự kiện, kinh nghiệm trải qua, ước mơ, hi vọng, tham vọng, đưa ra và giải thích cho đề xuất, lý do, ý kiến, kế hoạch mà mình đã đưa ra;

- Tường thuật lại một câu chuyện, một bộ phim đơn giản và bày tỏ cảm xúc, ấn tượng của mình về tác phẩm đó.

#### ***Năng lực Nghe:***

- Nghe hiểu ý chính được truyền tải trong những bài nói về những chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày, trong công việc, học tập, giải trí ..;

- Nghe và nắm bắt được những nội dung chính các bài trình bày của sinh viên khác trong lớp theo chủ đề giảng viên giao;

#### ***Năng lực Đọc:***

- Đọc lướt các văn bản tương đối dài (khoảng từ 250 đến 300 từ) để xác định thông tin cần tìm, tập hợp thông tin từ các phần của bài đọc hay từ các bài khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể được giao;

- Đọc hiểu nội dung trong thư cá nhân miêu tả sự kiện, cảm xúc, mong muốn nhằm trao đổi thư với bạn bè nước ngoài;
- Đọc hiểu và xác định cấu trúc của một đoạn văn trong tiếng Anh;
- Đọc hiểu chi tiết những hướng dẫn sử dụng thiết bị kỹ thuật trong cuộc sống hàng ngày.

### ***Năng lực Viết:***

- Viết thư cá nhân nhằm mục đích thông báo tin tức, bày tỏ suy nghĩ về một vấn đề cụ thể hay trừu tượng như âm nhạc, điện ảnh hoặc miêu tả sự kiện, kinh nghiệm trải qua, và trình bày cảm xúc, ấn tượng về sự kiện đó;
- Viết tóm tắt, viết đoạn văn theo đúng cấu trúc đã học trong đó trình bày ý kiến, quan điểm của mình về vấn đề quan tâm.

#### ***3.11.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy***

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận nhóm, giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết)
- Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, thảo luận nhóm, giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết).

#### ***3.3.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo***

1. Sarah Cunning Harm, Peter Moor (2010). New Cutting Edge Elementary. Longman
2. Clive Oxeden & Paul Seligson (2009), New English life- Elementary, NXB Lao động, Hà Nội.
3. A. Blackwell & T. Naber (2009), English Know How 1, Oxford University Press.
4. Trần Mạnh Tường (2006), Chuyên đề ngữ pháp Tiếng Anh, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

#### ***3.11.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:***

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra vấn đáp
- Đánh giá kết thúc học phần: thi trắc nghiệm trên máy tính

### ***3.12. Tin học***

#### ***3.12.1. Tóm tắt nội dung học phần***

Đây là học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ đại học theo quy định chung của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản nhất về tin học, máy tính điện tử, phần cứng, phần mềm nói riêng và công nghệ thông tin nói chung. Thông qua thực hành, rèn luyện cho người học các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Ngoài ra trong chương trình học cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn thảo các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.

### *3.12.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

- Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows và Sử dụng hệ điều hành Windows 7, 10; Sử dụng tiếng Việt trong windows và bảo vệ thông tin và phòng chống virus máy tính.

- Cung cấp kiến thức và cách sử dụng mạng Internet trong việc truy cập, tìm kiếm thông tin, tài liệu phục vụ quá trình học tập.

- Thông qua những phần học này người học có thể ứng dụng để sử dụng (về cơ bản) các ứng dụng khác trong hệ thống phần mềm thuộc hệ điều hành Windows 7, 10.

Cung cấp cho người học các kiến thức về bộ Microsoft office 2010.

### *3.12.3. Năng lực cần đạt*

Trên cơ sở nội dung kiến thức lý thuyết của học phần người học vận dụng làm các bài thực hành giúp họ có được kỹ năng, kỹ xảo sử dụng máy tính, khai thác các phần mềm trong máy tính, bảo vệ an toàn dữ liệu đặc biệt là kỹ năng khai thác và sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows, bộ phần mềm Microsoft Office và mạng Internet.

- Rèn luyện kỹ năng khai thác mạng Internet và hòm thư điện tử.

- Rèn luyện kỹ năng soạn thảo văn bản, các thao tác cơ bản với các File văn bản, các thao tác định dạng, trang trí, in ấn văn bản, cách tạo bảng trong Word.

- Rèn luyện kỹ năng tạo lập và định dạng bảng tính, sử dụng thành thạo các hàm thông dụng của Excel.

- Rèn luyện việc tạo các Slide trình chiếu bằng Microsofr PowerPoint.

### *3.12.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy*

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp demo, thảo luận, thực hành trên máy tính và các thiết bị công nghệ thông tin.

- Phương pháp giảng dạy: thực hành.

### *3.12.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo*

1. G Viet Nam, *IC3 Internet and Computing Core Certification Guide*, Tài liệu điện tử, Nơi lưu trữ: Trung tâm TTTV Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

2. Tô Văn Nam (2010), *Giáo trình tin học đại cương*, Tái bản lần thứ nhất, Nxb Giáo dục.

### *3.12.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:*

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá tín chỉ học phần: Thực hành

- Đánh giá kết thúc học phần: thi trắc nghiệm trên máy tính

## **3.13. Giáo dục thể chất**

### *3.13.1. Tóm tắt nội dung học phần*

Môn học Giáo dục thể chất thực hiện mục tiêu giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh sinh viên, trang bị cho học sinh kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe; kiến thức và kỹ năng vận động; hình thành thói quen tập luyện, khả năng lựa chọn

môn thể thao phù hợp để luyện tập nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực và tố chất vận động; trên cơ sở đó giúp học sinh có ý thức, trách nhiệm đối với sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng, thích ứng với các điều kiện sống, hoà đồng với mọi người.

Học phần Giáo dục thể chất giúp cho học sinh sinh viên rèn luyện kỹ năng:

- Thực hiện được kỹ thuật cơ bản các môn thể thao trong chương trình môn học
- Kỹ năng tự tập luyện và tổ chức các hoạt động giao lưu thể dục thể thao và thi đấu
- Góp phần quan trọng trong việc giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, ý chí, nâng cao năng lực nghề nghiệp, tích cực, chủ động tham gia các hoạt động thể dục thể thao của nhà trường và xã hội

### 3.13.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Hiểu biết và nắm được kiến thức khoa học cơ bản về GDTC, tầm quan trọng của việc luyện tập thể dục thể thao (TDTT)

- Nắm và biết vận dụng được phương pháp, kỹ năng tập luyện một số môn thể thao cơ bản để nâng cao sức khỏe, phòng chống tai nạn, chấn thương trong quá trình tập luyện thể dục thể thao

### 3.13.3. Năng lực cần đạt

- Có năng lực thực hành tốt các môn thể thao, vận dụng những kiến thức, kỹ năng học được để nâng cao thể chất phục vụ công việc và cuộc sống;

- Có khả năng phát triển các hoạt động thể dục thể thao cộng đồng phục vụ cho học tập và cuộc sống.

- Nắm vững và thực hiện chương trình đào tạo, vận dụng các kiến thức lý thuyết, thực hành GDTC vào thực tiễn học tập, tổ chức hoạt động ngoại khóa thể dục thể thao.

### 3.13.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Dạy trực tiếp luyện tập trên sân bãi

- Phương pháp giảng dạy: Lý thuyết và thực hành bài tập trên sân bãi

+ Phương pháp thuyết trình, thị phạm động tác, hướng dẫn thực hành động tác (TDTT).

+ Phương pháp dạy học theo tình huống, dạy học theo nhóm, nghiên cứu tình huống.

### 3.13.5. Tài liệu học tập

1. Trường ĐH TDTT Bắc Ninh (Tập thể tác giả) (2009), Thể dục, NXB TDTT, Hà Nội.

2. Trần Đức Dũng (2007), Giáo trình Bóng đá, NXB TDTT, Hà Nội.

3. Trường ĐH TDTT I (2006), Giáo trình bóng chuyền, NXBTDTT, Hà Nội.

4. Trường Đại học TDTT I (2003), Giáo trình Bóng rổ, NXB TDTT, Hà Nội.

5. Trần Duy Hòa (2014), Giáo trình Đá cầu, Nxb, TDTT, Hà Nội.

6. Nguyễn Danh Thái – ThS.Vũ Thành Sơn (1999), Bóng bàn, NXB TDTT, Hà Nội.

7. Trường đại học TDTT Bắc ninh (2011), Giáo trình môn học khiêu vũ thể thao, Nxb TDTT Hà Nội.

### *Tài liệu tham khảo*

8. UBTDĐT (2007), Luật Đá cầu, NXB TDĐT Hà Nội
9. Tổng cục TDĐT (2011), Luật bóng bàn, NXB TDĐT, Hà Nội.
10. Tổng cục TDĐT (2010) Luật Vovinam NXB TDĐT, Hà Nội.
11. Quang Dũng (2013), Kỹ chiến thuật tổ chức thi đấu Bóng đá, NXB TDĐT, Hà Nội
12. Thanh Ly- Nhã Thư (biên dịch), 101 bài tập môn bóng chuyên, NXB TỔNG HỢP, TPHCM.
13. Tổng cục TDĐT (2010) Luật Vovinam NXB TDĐT, Hà Nội.
14. Trịnh Ngọc Trung (2019), Giáo trình Tổ chức thi đấu Thể dục thể thao, NXB TDĐT&DL, Hà Nội.

### **3.14. Tiến trình lịch sử Việt Nam**

#### **3.14.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Nội dung học phần “Tiến trình lịch sử Việt Nam” trình bày những quan điểm chính thống về lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thủy cho đến ngày nay với các nội dung về chính trị-quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội của từng thời kỳ. Qua đó, sinh viên nắm được toàn bộ tiến trình lịch sử của dân tộc, vận dụng kiến thức đã học đối chiếu lịch sử Việt Nam với thế giới, cũng như phục vụ việc nghiên cứu các môn học khác.

#### **3.14.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

- Tổng quan về quá trình phát triển liên tục của lịch sử Việt Nam từ thời kỳ nguyên thủy cho tới ngày nay.
- Những bài học kinh nghiệm lịch sử quý báu về truyền thống chống giặc ngoại xâm, xây dựng và củng cố đất nước..., góp phần xây dựng tình yêu quê hương đất nước.

#### **3.14.3. Năng lực cần đạt**

- Năng lực học tập theo vấn đề, làm việc và học tập một cách chủ động và sáng tạo.
- Năng lực nhận biết về truyền thống xây dựng đất nước, chống giặc ngoại xâm ,bảo vệ đất nước của cha ông ta và trong giai đoạn hiện nay phải có tinh thần yêu nước, bảo vệ và khẳng định chủ quyền của lãnh thổ quốc gia
- Năng lực làm việc nhóm, thảo luận, phát hiện vấn đề, phân tích đưa ra giải pháp hợp lý cho các vấn đề phát sinh liên quan đến kiến thức môn học.

#### **3.14.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy**

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

#### **3.14.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học**

##### **3.14.5.1. Tài liệu bắt buộc**

Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên) (2014), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

### 3.14.5.2. Tài liệu tham khảo

1. Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng (2017), *Các triều đại Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội
2. Lê Mậu Hãn (2014), *Đại cương lịch sử Việt Nam - Tập 3 : 1945 – 2000*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Đinh Xuân Lâm (2003), *Đại cương lịch sử Việt Nam - Tập 2 : 1858-1945*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Trương Hữu Quýnh (2014), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
5. Trương Hữu Quýnh (2003), *Đại cương lịch sử Việt Nam - Tập 1 : Từ thời nguyên thủy đến năm 1958*, nxb Giáo dục, Hà Nội.

### 3.14.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận/tiểu luận

## 3.15. Văn hóa các dân tộc ít người ở Việt Nam

### 3.15.1. Tóm tắt nội dung học phần

*Văn hóa các dân tộc ít người ở Việt Nam* là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý Văn hóa. Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức về tộc người, văn hóa tộc người, phân tích rõ đặc trưng văn hóa các dân tộc ít người và sự giao lưu văn hóa giữa các tộc người ở Việt Nam. Trên cơ sở đó người học có được cái nhìn tổng quan về Việt Nam là một quốc gia đa tộc người, thống nhất trong đa dạng về mặt lịch sử, địa lý và văn hóa - xã hội, hiểu được những đặc trưng cơ bản của các dân tộc ít người ở các vùng miền khác nhau trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3.15.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Cơ sở lý luận chung về tộc người, nhận thức tổng quan về các dân tộc ít người ở Việt Nam từ giác độ lịch sử, kinh tế, văn hóa...

- Nhận diện được đặc trưng văn hóa của một số dân tộc ít người tiêu biểu ở Việt Nam.

- Hiểu rõ được cội nguồn văn hóa bản địa, phi bản địa cũng như sự tiếp biến văn hóa qua các thời kỳ lịch sử khác nhau giữa các dân tộc, giữa các vùng miền, khu vực.

### 3.15.3. Năng lực cần đạt

- Năng lực chuyên môn: Hiểu và áp dụng được kiến thức môn học vào thực tiễn giải quyết các vấn đề trong phạm vi ngành.

- Năng lực nghiên cứu: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, biết phân tích, tổng hợp tư liệu về các dân tộc ít người ở Việt Nam để giải quyết các vấn đề liên quan và hình thành tư duy, lập luận. Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: Tự chủ trong làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm theo yêu cầu của nhiệm vụ chuyên môn đồng thời có trách nhiệm trong công tác bảo tồn các giá trị văn hóa tộc người ở Việt Nam.

#### *3.15.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy*

- Hình thức tổ chức: giảng viên thuyết trình kết hợp phát vấn, thảo luận nhóm.
- Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình, Phát vấn, Thảo luận nhóm.

#### *3.15.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo*

##### *3.15.5.1. Tài liệu bắt buộc*

Bé Viết Đăng (2006), *Dân tộc học Việt Nam - Định hướng và thành tựu nghiên cứu (1973 -1998)*, Nxb Khoa học xã hội.

##### *3.15.5.2. Tài liệu tham khảo*

1. Phan Thị Hương Hạnh (chủ biên) (2012), *Văn hóa Khmer Nam Bộ - Nét đẹp trong bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia – Sự thật.

2. Hoàng Nam (2004), *Văn hóa các dân tộc vùng Đông Bắc Việt Nam*, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

#### *3.15.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:*

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận/tiểu luận

### ***3.16. Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam***

#### *3.16.1. Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần *Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam* là học phần cơ sở ngành của ngành Quản lý văn hóa cung cấp cho người học hệ thống lý thuyết và khái niệm liên quan đến vấn đề tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam. Khái quát nội dung, giá trị của các tín ngưỡng và tôn giáo tiêu biểu ở Việt Nam cũng như hiện trạng sinh hoạt và quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về công tác tín ngưỡng và tôn giáo.

#### *3.16.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

- Kiến thức cơ bản về một số tôn giáo ở Việt Nam: Phật giáo, Đạo giáo, Ki tô giáo, Hồi giáo, Đạo Cao Đài, Đạo Hòa Hảo với lịch sử hình thành, các đặc trưng về giáo lý, giáo luật, lễ nghi và đặc điểm tổ chức giáo hội. Luận giải được tính khoa học và thực tiễn trong quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về tín ngưỡng.

- Kiến thức về vai trò, vị trí và những ảnh hưởng của tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống văn hóa- tâm linh, trong đời sống xã hội hàng ngày.

#### *3.16.3. Năng lực cần đạt*

- Năng lực nghiên cứu, tìm hiểu và đánh giá thực trạng công tác tôn giáo, tín ngưỡng để làm cơ sở đề xuất các phương pháp triển khai phù hợp, hiệu quả.

- Năng lực vận dụng các kiến thức về tín ngưỡng, tôn giáo để giải thích các hiện tượng xã hội, các sinh hoạt văn hóa có liên quan.

- Năng lực sử dụng kiến thức về tín ngưỡng tôn giáo để trong vận dụng trong đời sống thực tiễn cũng như trong các hoạt động chuyên môn sau khi tốt nghiệp.

- Năng lực ứng dụng kiến thức học phần để vận dụng vào việc nghiên cứu, quản lý những vấn đề văn hoá, quản lý văn hóa.

#### *3.16.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy*

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

#### *3.16.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo*

##### *3.16.5.1. Tài liệu bắt buộc*

Lê Thị Thảo, Tạ Thị Thủy (2022), *Tập bài giảng Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam (tài liệu lưu hành nội bộ)*, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

##### *3.16.5.2. Tài liệu tham khảo*

1. Nguyễn Quang Hưng (2009), *Công giáo Việt Nam thời kỳ triều Nguyễn (1802-1883)*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
2. Luật số: 02/2016/QH14 về Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.
3. Ngô Đức Thịnh, *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam* Nxb VHNT, HN 2001
4. Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb CTQG, Hà Nội.

#### *3.16.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:*

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận/tiểu luận

### ***3.17. Khoa học quản lý***

#### *3.17.1. Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý như khái niệm, vai trò của quản lý, các chức năng quản lý cơ bản, nguyên tắc quản lý, phương pháp quản lý, văn hoá và môi trường của tổ chức, quyết định quản lý... Hình thành kỹ năng quản lý, xử lý trong từng tình huống cụ thể.

#### *3.17.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

- Kiến thức cơ bản về khoa học quản lý: nguyên tắc, phương pháp, thông tin, chức năng của quy trình quản lý được ứng dụng trong hoạt động quản lý.

- Các lĩnh vực kiến thức về Quản lý và môi trường quản lý; Quản lý với tư cách là một khoa học; Nguyên tắc quản lý; Phương pháp quản lý; Thông tin quản lý; Lập kế hoạch và ra quyết định quản lý; Tổ chức thực hiện; Lãnh đạo; Kiểm tra trong hoạt động quản lý.

#### *3.17.3. Năng lực cần đạt*

- Năng lực vận dụng lý thuyết về nguyên tắc quản lý và phương pháp quản lý ... để so sánh, phân tích, đánh giá với thực tiễn quản lý.

- Năng lực vận dụng lý thuyết chức năng của quy trình quản lý để giải thích mối liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn hoạt động quản lý

- Hình thành kỹ năng làm việc nhóm; tư duy, làm việc độc lập

#### 3.17.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

#### 3.17.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

##### 3.17.5.1. Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Thị Thục (2022), *Tập bài giảng Khoa học quản lý* (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

2. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2002), *Giáo trình Khoa học quản lý*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

##### 3.17.5.2. Tài liệu tham khảo

1. Gaston Courtois (2002), *Lãnh đạo và quản lý - một nghệ thuật*, Nxb Lao động Xã hội, Hà Nội.

2. H. Koontz và các tác giả (1994), *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*, Nxb Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.

3. Lê Hồng Lôi (2004), *Đạo của quản lý*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Hồ Văn Vĩnh (CB) (2003), *Giáo trình khoa học quản lý*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

#### 3.17.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thi trắc nghiệm/tự luận/tiểu luận

### 3.18. Văn hóa công sở

#### 3.18.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần *Văn hóa công sở* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản lý văn hóa, cung cấp cho người học những kiến thức lý luận chung về công sở cũng như những nội dung cơ bản trong văn hóa công sở. Nhận diện hiện trạng văn hóa công sở, từ thực tiễn đưa ra những giải pháp nhằm xây dựng văn hóa công sở trong bối cảnh hiện nay trên cơ sở hệ thống văn bản quản lý về văn hoá công sở hiện hành.

#### 3.18.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Những kiến thức tổng quan chung về công sở như: khái niệm, chức năng, vai trò, các yếu tố cấu thành, đặc trưng của công sở; những vấn đề cơ bản về văn hoá công sở và

nội dung cơ bản trong văn hóa công sở như: văn hóa giao tiếp, ứng xử; văn hóa trang phục; văn hóa làm việc và bài trí trong công sở. Hiểu được yêu cầu, nội dung của xây dựng văn hóa công sở trong bối cảnh hiện nay.

### *3.18.3. Năng lực cần đạt*

- Năng lực ứng xử giao tiếp, hình thành kỹ năng ứng xử linh hoạt các tình huống thực tế của đời sống, hình thành những phẩm chất của người cán bộ công sở.

- Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm và kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tự chịu trách nhiệm với hiệu quả trong quá trình làm việc gắn môi trường công sở.

### *3.18.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy*

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

### *3.18.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo*

#### *3.18.5.1. Tài liệu bắt buộc :*

Nguyễn Thị Thái, Hoàng Thị Thu Hằng (2022), *Tập bài giảng Văn hóa công sở (tài liệu lưu hành nội bộ)*, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

#### *3.18.5.2. Tài liệu tham khảo thêm :*

1. Nguyễn Văn Thâm (2003), *Tổ chức điều hành hoạt động của các công sở*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Nguyễn Văn Thâm (2013), *Giáo trình kỹ thuật tổ chức công sở*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

3. Hệ thống văn bản quản lý nhà nước về xây dựng văn hóa công sở.

## **3.19. Kinh tế học văn hóa**

### *3.19.1. Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần *Kinh tế học văn hóa* là học phần cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Quản lý Văn hóa. Tất cả các nội dung nghiên cứu của Học phần nhằm mục đích khai thác, phát huy, sử dụng hợp lý và hiệu quả nhất các nguồn lực sẵn có trong và ngoài nước cho việc phát triển quá trình sản xuất, sáng tạo các hoạt động văn hóa nghệ thuật. Học phần giúp người đọc có cái nhìn tổng quan về các vấn đề kinh tế trong hoạt động văn hoá, có khả năng tư duy và năng lực đánh giá, hoạch định được các vấn đề kinh tế mang tính chiến lược trong lĩnh vực văn hoá. Nhận định rõ mối quan hệ tác động qua lại giữa kinh tế và văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

### *3.19.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

- Kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế bao gồm:

+ Mục tiêu, đối tượng nghiên cứu về kinh tế học văn hóa

+ Phương pháp nghiên cứu về kinh tế học văn hóa.

+ Nội dung nghiên cứu về kinh tế học văn hóa.

+ Nghiên cứu mối quan hệ tác động giữa kinh tế và văn hóa

- Kiến thức về quản lý thị trường văn hóa

- + Các khái niệm cơ bản về quản lý thị trường văn hóa.
- + Các điều luật, các quy định trong việc quản lý thị trường văn hóa.
- + Các văn bản dưới luật bao gồm chỉ thị, nghị định, qui chế.... qui định về công tác quản lý thị trường.

### 3.19.3. Năng lực cần đạt

- Năng lực đọc tra cứu, nghiên cứu xử lý tư liệu, phân tích, tổng hợp trong nghiên cứu các số liệu điều tra;
- Năng lực làm việc nhóm, làm việc độc lập;
- Năng lực trong công tác thẩm định, đánh giá, quản lý thị trường văn hóa có hiệu quả cao.

### 3.19.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

### 3.19.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

#### 3.19.5.1. Tài liệu bắt buộc

Lê Ngọc Tông (2015) *Giáo trình Kinh tế học văn hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia.

#### 3.19.5.2. Tài liệu tham khảo

1. Cao Đức Hải (chủ biên) (2009), *Giáo trình quản lý dự án văn hóa nghệ thuật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Phạm Bích Huyền, Phạm Hoài Thu (2009), *Giáo trình Các ngành công nghiệp văn hóa*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội
3. Mai Hải Oanh (2011). *Quan hệ giữa xây dựng văn hóa và phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị - Hành Chính.

### 3.19.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận

## 3.20. Quản lý nhà nước về văn hóa

### 3.20.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần *Quản lý nhà nước về văn hóa* nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc quản lý của nhà nước trong lĩnh vực văn hóa. Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề như: Một số vấn đề quản lý hành chính nhà nước về văn hóa, bộ máy quản lý nhà nước về văn hóa, một số nội dung của quản lý nhà nước về văn hóa (Quản lý quy hoạch phát triển văn hóa; Quản lý văn hóa – nghệ thuật, thông tin truyền thông, thiết chế văn hóa, di sản văn hóa; thanh tra, kiểm tra văn hóa)

### 3.20.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Những kiến thức cơ bản về: quản lý hành chính nhà nước về văn hóa, bộ máy quản lý nhà nước về văn hóa và các nội dung của quản lý nhà nước về văn hóa. Khái niệm, chức năng, phương thức, đặc điểm, nội dung quản lý nhà nước về văn hoá trên các lĩnh vực: điện ảnh, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn, nhiếp ảnh, triển lãm, xuất bản báo chí, quảng cáo, di sản văn hoá, bản quyền tác giả, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, công tác thanh tra, kiểm tra...

### 3.20.3. Năng lực cần đạt

- Năng lực đọc tra cứu tư liệu, phân tích, tổng hợp, xử lý văn bản, ban hành văn bản pháp luật về quản lý VH,TT&DL;

- Năng lực nhận thức được các vấn đề cơ bản của hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, từ đó vận dụng vào phân tích, tổng hợp các vấn đề trong việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa.

- Năng lực hiểu, phân tích, đánh giá được những hoạt động về quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa và áp dụng các kiến thức đó vào công tác quản lý sau khi ra trường. Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản lý nhà nước về văn hóa.

### 3.20.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

### 3.20.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

#### 3.20.5.1. Tài liệu bắt buộc

Nguyễn Trúc Quỳnh (2022), *Tập bài giảng quản lý nhà nước về văn hóa* (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

#### 3.20.5.2. Tài liệu tham khảo

1. Tổng cục văn hóa (TS Trần Thị Mai - chủ biên) (2009) *Giáo trình Tổng quan văn hóa*, Nxb lao động xã hội.

2. Trần Thị Thúy Lan (2005), *Giáo trình Tổng quan văn hóa*, Sở Giáo dục & Đào tạo Hà Nội, Nxb Hà Nội.

3. Luật Văn hóa số 09/2017/QH14, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 19/6/2017.

### 3.20.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận/tiểu luận

## 3.21. Làng xã cổ truyền của người Việt

### 3.21.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần *Làng xã cổ truyền của người Việt* là học phần cơ sở ngành cung cấp cho người học hệ thống lý thuyết và khái niệm liên quan đến Làng xã cổ truyền của người Việt, quá trình hình thành và phát triển của Làng xã cổ truyền của người Việt, kết cấu kinh tế - xã hội của Làng xã cổ truyền của người Việt truyền thống, văn hóa Làng xã cổ truyền của người Việt truyền thống, Làng xã cổ truyền của người Việt trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Trên cơ sở đó người học có được cái nhìn tổng quan về sự đa dạng cũng như đặc trưng cơ bản của Làng xã cổ truyền của người Việt trên các vùng miền khác nhau.

### 3.21.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Kiến thức về làng xã cổ truyền Việt Nam, đặt trong sự so sánh giữa làng xã miền Bắc với miền Nam, làng xã người Việt và làng bản dân tộc thiểu số.
- Sự biến đổi của làng xã Việt Nam trên các phương diện kinh tế, văn hóa, xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

### 3.21.3. Năng lực cần đạt

- Người học biết cách vận dụng những kiến thức về Làng xã cổ truyền của người Việt để nhận diện được những giá trị văn hóa cốt lõi của văn hóa Việt Nam.
- Có năng lực hiểu, phân tích, đánh giá trong việc nhận diện đặc trưng Làng xã cổ truyền của người Việt. Vận dụng tốt kiến thức về làng xã Việt Nam trong hoạt động nghiên cứu khoa học và hoạt động nghề nghiệp.

### 3.21.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận.
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

### 3.21.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

#### 3.21.5.1. Tài liệu bắt buộc

Phan Đại Doãn (2001), *Làng xã cổ truyền của người Việt một số vấn đề kinh tế - văn hoá - xã hội*, Nxb Chính trị Quốc gia.

#### 3.21.5.2. Tài liệu tham khảo

1. Phan Đại Doãn (2001), *Làng xã Việt Nam một số vấn đề kinh tế - văn hoá - xã hội*, Nxb Chính trị Quốc gia.
2. Phan Đại Doãn, Yu Insun, Nguyễn Đăng Dung (2006), *Làng Việt Nam đa nguyên và chặt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Bùi Xuân Đính (2008), *Hành trình về Làng Việt cổ truyền*, Nxb Từ điển Bách khoa và Viện Văn hoá.
4. Hà Văn Tấn (1998), *Đình Việt Nam*, Nxb TP Hồ Chí Minh.
5. Trần Từ (1984), *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*, Nxb Khoa học Xã hội.

### 3.21.6. Phương pháp đánh giá học phân/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận/tiểu luận

### **3.22. Văn hóa dân gian Việt Nam**

#### **3.22.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hoá dân gian Việt Nam bao gồm: khái niệm, những đặc trưng cơ bản, giá trị, phương pháp tiếp cận, các thành tố, thuộc tính của văn hoá dân gian nói chung và văn hoá Việt Nam nói riêng. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những cách thức, công cụ sưu tầm và nghiên cứu văn hoá dân gian, góp phần vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân gian trong đời sống xã hội hiện đại.

#### **3.22.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

- Những lý luận cơ bản về văn hoá dân gian.

- Những loại hình nghiên cứu của văn hoá dân gian.

#### **3.22.3. Năng lực cần đạt**

- Năng lực đọc tra cứu, nghiên cứu xử lý tư liệu, phân tích, tổng hợp trong nghiên cứu các tư liệu văn hoá dân gian phục vụ công tác quản lý văn hóa.

- Năng lực thẩm định, đánh giá các giá trị của văn hoá dân gian trong hệ thống các di sản văn hoá phục vụ công tác quản lý, khai thác và bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

#### **3.22.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy**

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

#### **3.22.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học**

##### **3.22.5.1. Tài liệu bắt buộc**

1. Thanh Lê (2004), *Cội nguồn và bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội

2. Trần Ngọc Thêm (2001), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb TP Hồ Chí Minh.

##### **3.22.5.2. Tài liệu tham khảo**

1. Phan Ngọc (2002), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.

2. Vương Tuyên sưu tầm và tuyển chọn (2009), *Lễ hội dân gian Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

#### **3.22.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:**

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận/tiểu luận

### **3.23. Văn hóa học**

#### **3.23.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, toàn diện về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của văn hóa học; các đặc trưng, cấu trúc và tính chất của văn hóa; hệ thống quy luật của sự phát triển văn hóa; văn hóa đối với phát triển kinh tế- xã hội và con người; bản sắc văn hóa dân tộc và vấn đề phát triển bản sắc dân tộc của nền văn hóa Việt Nam; những định hướng và giải pháp phát triển bản sắc dân tộc của nền văn hoá Việt Nam hiện nay.

#### **3.23.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

- Kiến thức về văn hóa và văn hóa học, các phương pháp nghiên cứu phổ biến trong văn hóa học, các đặc trưng, tính chất và quy luật phát triển của văn hóa.

- Vai trò của văn hóa đối với phát triển và bản sắc dân tộc của nền văn hóa Việt Nam, việc gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

#### **3.23.3. Năng lực cần đạt**

- Người học biết cách vận dụng những kiến thức về phương pháp nghiên cứu văn hóa học, đặc trưng và quy luật phát triển của văn hóa để tìm hiểu, lý giải những vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam;

- Vận dụng tốt kiến thức về văn hóa học trong hoạt động nghiên cứu khoa học và hoạt động nghề nghiệp.

#### **3.23.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy**

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận.

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

#### **3.23.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học**

##### **3.23.5.1. Tài liệu bắt buộc**

1. Hà Đình Hùng (2019), *Tập bài giảng Văn hóa học đại cương* (tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

2. Nguyễn Thị Hương (2008), *Giáo trình Văn hóa học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

##### **3.23.5.2. Tài liệu tham khảo**

1. Phan Ngọc (2002), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.

2. Vương Tuyên sưu tầm và tuyển chọn (2009), *Lễ hội dân gian Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội

#### **3.23.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:**

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận/tiểu luận

### **3.24. Dân tộc học**

#### **3.24.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần *Dân tộc học* nằm trong chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hoá, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần trang bị cho người học những vấn đề cơ bản của dân tộc học: Định nghĩa, đối tượng, phương pháp nghiên cứu; Lịch sử phát triển của ngành dân tộc học; các vấn đề về chủng tộc, nguồn gốc loài người, ngôn ngữ, tôn giáo, về tộc người và cộng đồng tộc người, kinh tế, tôn giáo, thân tộc, hôn nhân và gia đình... tạo tiền đề cho người học nghiên cứu các học phần về văn hoá tiếp theo. Từ đó, nâng cao ý thức tộc người nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

#### **3.24.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

- Kiến thức tổng quan về Dân tộc học từ đối tượng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành đến những vấn đề nghiên cứu cơ bản của Dân tộc học nói chung: chủng tộc, tộc người, ngữ hệ, gia đình thân tộc và họ hàng, kinh tế học văn hóa, ....

- Tiếp cận một số kiến thức Dân tộc học phục vụ cho việc bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc.

#### **3.24.3. Năng lực cần đạt**

- Năng lực tiếp cận liên ngành, đa ngành trong bức tranh đa tộc người, đa văn hóa.

- Năng lực cứu diên dã, vốn là phương pháp nghiên cứu đặc thù của dân tộc học, được sử dụng phổ biến với nhiều ngành khoa học xã hội nhân văn

- Năng lực ứng dụng kiến thức học phần để vận dụng vào việc nghiên cứu, quản lý những vấn đề văn hoá, quản lý văn hóa.

#### **3.24.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy**

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

#### **3.24.5. Danh mục giáo trình và tài liệu dạy học**

##### **3.24.5.1. Tài liệu bắt buộc**

1. Lê Sỹ Giáo (chủ biên) (2005), *Dân tộc học đại cương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

2. Khoa Nhân học, Trường đại học khoa học xã hội nhân văn TP Hồ Chí Minh, *Nhân học đại cương*, Nxb đại học quốc gia Tp Hồ Chí Minh, 2008.

##### **3.24.5.2. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ môn Dân tộc học - Nhân học, Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội (2016), *Phương pháp nghiên cứu trong dân tộc học và nhân học*, Hà Nội.

2. Grant Evans (2001), *Bức khám văn hoá Châu Á, tiếp cận Nhân học*, Nxb Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.

3. Hoàng Nam (2019), *Nhân học văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

#### **3.24.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:**

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận/ tiểu luận

### **3.25. Xã hội học văn hóa**

#### **3.25.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần giúp cho người học hiểu đối tượng của xã hội học văn hóa là nghiên cứu sự phát triển, tiếp biến của văn hóa trong một không gian, thời gian và một thực trạng. Diễn biến của những định hướng giá trị đối với các tác phẩm văn hóa, khuôn mẫu văn hóa và thể chế văn hóa hiện diện trong xã hội đương đại. Khi nghiên cứu cần xác định: không gian, thời gian, nhóm xã hội, các vùng văn hóa...

#### **3.25.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

- Sự hình thành, diễn biến của các hình thức văn hóa trong những giai đoạn lịch sử phát triển của nhân loại.

- Những biến đổi văn hóa dưới sự tác động của điều kiện kinh tế, chính trị và ý thức hệ tư tưởng.

- Quá trình giao thoa văn hóa.

- Vai trò của văn hóa trong việc hình thành lối sống cư dân.

- Ảnh hưởng của văn hóa với tính cách là một thiết chế xã hội đối với các thiết chế xã hội khác.

#### **3.25.3. Năng lực cần đạt**

- Năng lực nghiên cứu biến đổi văn hóa.

- Xây dựng đề cương nghiên cứu xã hội học văn hóa...

#### **3.25.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy**

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

#### **3.25..5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học**

##### **3.25..5.1. Tài liệu bắt buộc**

1. Mai Văn Hai (chủ biên) (2005), *Xã hội học văn hóa*, Nxb Đại học Quốc gia

##### **3.25.5.2. Tài liệu tham khảo**

1. Tổng Văn Chung (2011), *Giáo trình cơ sở xã hội học nông thôn Việt Nam*, Nxb Giáo dục.

2. Bùi Quang Dũng (2007), *Xã hội học nông thôn*, Nxb Khoa học Xã hội.

3. Mai Thị Kim Thanh (2011), *Giáo trình xã hội học văn hoá*, Nxb Giáo dục

##### **3.25..6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:**

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận

### **3.26. Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính**

#### **3.26.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức khái quát về hệ thống văn bản quản lý hành chính nhà nước và các quy định về thể thức trình bày, quy trình soạn thảo và ban hành văn bản hành chính thông thường trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức và doanh nghiệp hiện nay. Học phần trang bị cho người học kỹ năng soạn thảo và trình bày các loại văn bản hành chính thông thường trong hoạt động của các cơ quan hành chính và doanh nghiệp hiện nay như: các quyết định (cá biệt), các loại báo cáo, công văn, kế hoạch công tác, thông báo, tờ trình, biên bản... theo đúng quy định của nhà nước về công tác soạn thảo và ban hành văn bản hành chính nhà nước.

#### **3.26.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

- Những kiến thức chung về văn bản quản lý hành chính nhà nước.
- Những kỹ thuật soạn thảo các loại văn bản hành chính thông dụng.

#### **3.26.3. Năng lực cần đạt**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt chuẩn mực trong soạn thảo văn bản hành chính nhà nước.

- Năng lực trình bày một văn bản hành chính khoa học và đúng thể thức theo quy định.

- Năng lực soạn thảo các loại văn bản hành chính thông thường hoàn chỉnh về hình thức, nội dung; có tính khả thi, đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

#### **3.26.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy**

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận, làm bài tập thực hành.

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp thực hành trên máy tính.

#### **3.26.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học**

##### **3.26.5.1. Tài liệu bắt buộc**

1. Hoàng Thị Kim Oanh, Nguyễn Thị Hà (2022), Tập bài giảng *Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính nhà nước*” (tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

2. Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

##### **3.26.5.2. Tài liệu tham khảo**

1. Hướng dẫn số 36/HD-VPTW ngày 04/4/2018 của Văn phòng Ban chấp hành Trung ương về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản Đảng.

2. Học viện hành chính Quốc gia (2010), *Giáo trình Văn bản quản lý hành chính nhà nước*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

#### **3.26.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:**

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần tham gia thảo luận, bài tập thực hành...

- Đánh giá giữa học phần: Bài tập thực hành
- Đánh giá kết thúc học phần: Trung bình chung kết quả điểm bài tập thực hành của các tín chỉ.

## **2.27. Chính sách văn hóa**

### **3.27.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần trình bày những kiến thức cơ bản về chính sách văn hóa: Khái niệm, vai trò, đặc tính và cấu trúc của chính sách văn hóa và những vấn đề cốt yếu trong chính sách văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử, đặc biệt là thời kỳ đổi mới. Một số vấn đề về xây dựng chính sách văn hóa Việt Nam hiện nay như các yếu tố tác động tới chính sách văn hóa, mục tiêu xây dựng chính sách văn hóa và các phương hướng, giải pháp để hoàn thiện chính sách văn hóa trong thời kỳ mới.

### **3.27.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

- Những vấn đề cơ bản về chính sách văn hoá
- Lịch sử hình thành và hoàn thiện chính sách văn hoá Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử

- Một số vấn đề về xây dựng và hoàn thiện chính sách văn hoá Việt Nam hiện nay

### **3.27.3. Năng lực cần đạt**

- Năng lực học tập theo vấn đề, làm việc và học tập một cách chủ động và sáng tạo
- Năng lực nhận biết các nội dung chính của chính sách văn hoá Việt Nam và có thái độ đúng đắn đối với các vấn đề văn hoá của Việt Nam như năng lực hiểu biết về cách ứng xử với di sản văn hoá...
- Năng lực làm việc nhóm, thảo luận, phát hiện vấn đề, phân tích đưa ra giải pháp hợp lý cho các vấn đề phát sinh liên quan đến kiến thức môn học.

### **3.27.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy**

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

### **3.27.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học**

#### **3.27.5.1. Tài liệu bắt buộc**

Lương Hồng Quang (CB) (2016), *Chính sách văn hoá*, Nxb Lao động

#### **3.27.5.2. Tài liệu tham khảo**

1. Hoàng Sơn Cường (1998), *Lược sử quản lý văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội.
2. Phạm Hồng Giang – Bùi Hoài Sơn (đồng chủ biên) (2012), *Quản lý văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị Quốc gia-Sự thật, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Thu Linh (chủ biên) (2004), *Giáo trình quản lý nhà nước về văn hóa – giáo dục-y tế*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội,

4. Dương Phú Hiệp, chủ biên (2010), *Tác động của toàn cầu hóa đối với sự phát triển văn hóa và con người Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

5. TS. Nguyễn Văn Tình, *Chính sách văn hóa trên thế giới và việc hoàn thiện chính sách văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 2009.

6. Phan Văn Tú, Nguyễn Văn Hy, Hoàng Sơn Cường, Lê Thị Hiền, Trần Thị Diên (1998), *Quản lý hoạt động văn hoá*, Nxb Văn hoá thông tin

#### 3.27.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận/tiểu luận

### 3.28. Công nghiệp văn hóa

#### 3.28.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần *Công nghiệp văn hóa* là học phần kiến thức ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Quản lý Văn hóa. Học phần cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về các ngành công nghiệp văn hóa như khái niệm, qui trình sáng tạo – phân phối của công nghiệp văn hóa, đặc điểm, vai trò của các ngành này đối với sự phát triển kinh tế xã hội, bối cảnh, xu hướng phát triển của công nghiệp văn hóa và chính sách phát triển các ngành công nghiệp văn hóa của một số quốc gia.

#### 3.28.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Những kiến thức và kỹ năng cơ bản về các ngành công nghiệp văn hóa như khái niệm, qui trình sáng tạo – phân phối của công nghiệp văn hóa, đặc điểm, vai trò của các ngành này đối với sự phát triển kinh tế xã hội, bối cảnh, xu hướng phát triển của công nghiệp văn hóa và chính sách phát triển các ngành công nghiệp văn hóa của một số quốc gia.

- Giới thiệu và phân tích một số ngành công nghiệp văn hóa trên thế giới và ở Việt Nam

- Khai thác, phát huy các thế mạnh của các ngành công nghiệp văn hóa trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay.

#### 3.28.3. Năng lực cần đạt

- Năng lực điền dã, nghiên cứu xử lý tư liệu, phân tích, tổng hợp trong nghiên cứu các số liệu điều tra.

- Năng lực thực hiện tốt các kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập

- Năng lực thẩm định, đánh giá, trong công tác thẩm định, đánh giá, quản lý thị trường văn hóa có hiệu quả cao.

#### 3.28.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

### 3.28.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

#### 3.28.5.1. Tài liệu bắt buộc

1. Phạm Bích Huyền, Phạm Hoài Thu (2009). Giáo trình *Các ngành công nghiệp văn hóa*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Lê Ngọc Tòng (2015) Giáo trình *Kinh tế học văn hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia.

#### 3.28.5.2. Tài liệu tham khảo

1. Cao Đức Hải (chủ biên) (2009), *Giáo trình quản lý dự án văn hóa nghệ thuật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Mai Hải Oanh (2011). *Quan hệ giữa xây dựng văn hóa và phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị - Hành Chính.

### 3.28.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận

## 3.29. **Quản lý các thiết chế văn hóa**

### 3.29.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần *Quản lý các thiết chế văn hóa* là một học phần chuyên ngành nằm trong chuyên ngành đào tạo Quản lý văn hóa, nội dung học phần cung cấp cho người học những kiến thức về thiết chế nói chung và các khái niệm, đặc điểm về về tổ chức, quản lý hoạt động cũng như định hướng phát triển của các thiết chế văn hóa n trung tâm văn hóa, nhà văn hóa, bảo tàng, triển lãm nói riêng: Do vậy, môn học được thiết kế nội dung chương trình theo trục dọc về mặt tổ chức, quản lý của các thiết chế và trục ngang theo hoạt động của các thiết chế văn hóa.

### 3.29.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Hệ thống và khối lượng kiến thức về chính sách, pháp luật, pháp lệnh về lĩnh vực quản lý thiết chế Văn hóa để người học hình thành tư duy logic, khoa học trong xử lý và giải quyết các vấn đề trong công tác quản lý.

- Làm rõ các vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn để người học quản lý các thiết chế Văn hóa theo đúng đường lối, chủ trương của Nhà nước, những quy định của pháp luật.

### 3.29.3. Năng lực cần đạt

- Năng lực đưa ra quan điểm khoa học trong quản lý, tổ chức hoạt động của các thiết chế Văn hóa, khả năng làm việc cá nhân hay nhóm.

- Năng lực tổ chức và điều hành các thiết chế Văn hóa, kỹ năng tham mưu, tư vấn; kỹ năng ban hành các văn bản liên quan đến công tác quản lý các thiết chế Văn hóa.

- Năng lực làm việc nhóm, làm việc độc lập, giao tiếp, tổ chức các hoạt động, sự kiện tại các thiết chế Văn hóa.

- Năng lực xử lý, phân tích các văn bản, quy định pháp luật trong công tác quản lý các thiết chế Văn hóa

#### *3.29.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy*

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

#### *3.29.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học*

##### *3.29.5.1. Tài liệu bắt buộc*

TS. Nguyễn Thị Thục (chủ biên) *Thiết chế văn hóa cơ sở ở Thanh Hóa trong thời kỳ đổi mới*, Nhà xuất bản Thanh Hóa năm 2016.

##### *3.29.5.2. Tài liệu tham khảo*

1. Trịnh Thị Minh Đức chủ biên (1999), *Bảo tồn di tích LSVH*; giáo trình dành cho sinh viên ĐH và CĐ ngành bảo tàng, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.

2. Nguyễn Tiến Hiến (2002), *Quản lý thư viện và trung tâm thông tin*, H: ĐH Văn Hóa

3. Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Hữu Giới (2008), *Về công tác thư viện*, H: Vụ thư viện.

#### *3.29.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:*

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: tự luận/tiểu luận

### ***3.30. Quản lý di sản văn hóa***

#### *3.30.1. Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về di sản văn hóa, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; những quan điểm về quản lý, khai thác di sản văn hóa ở nước ta và trên thế giới hiện nay. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những cách thức, công cụ bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa về mặt khoa học, về mặt kỹ thuật, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển bền vững.

#### *3.30.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

- Những vấn đề cơ bản về di sản văn hóa và quản lý di sản văn hóa;

- Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

- Khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa trong bối cảnh hiện nay.

#### *3.30.3. Năng lực cần đạt*

- Năng lực điền dã, đọc tra cứu, nghiên cứu xử lý tư liệu, phân tích, tổng hợp trong nghiên cứu các tư liệu lịch sử và những nguồn sử liệu, di vật mới phát hiện phục vụ công tác quản lý di sản văn hóa.

- Năng lực thực hiện tốt các quy trình quản lý di sản văn hóa như: xây dựng hệ thống văn bản hồ sơ khoa học xếp hạng di sản văn hóa các cấp. Hồ sơ khoa học bảo tồn, chống xuống cấp di sản văn hóa phục vụ công tác quản lý và khai thác phát huy giá trị hệ thống di sản văn hóa.

- Năng lực thẩm định, đánh giá, giá trị hệ thống di sản văn hoá, cũng như hoạch định chính sách, tư vấn ban hành hệ thống văn bản trong công tác quản lý di sản văn hoá.

#### *3.30.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy*

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

#### *3.30.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học*

##### *3.30.5.1. Tài liệu bắt buộc*

Lê Thị Thảo (2023), *Tập bài giảng Quản lý Di sản văn hóa (tài liệu lưu hành nội bộ)*, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

##### *3.30.5.2. Tài liệu tham khảo*

1. Phạm Đức Duy (1995), *Công tác bảo tồn di tích và danh thắng*, Nxb Khoa học Xã hội.

2. Trịnh Thị Minh Đức (Chủ biên), *Bảo tồn di tích lịch sử văn hóa*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Nguyễn Khởi (2011), *Bảo tồn và trùng tu các di tích kiến trúc*, Nxb Xây dựng.

4. Lê Hồng Lý chủ biên (2010), *Quản lý di sản văn hoá với phát triển du lịch (giáo trình dành cho sinh viên đại học và Cao đẳng các trường Văn hóa - Nghệ thuật)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Dương Văn Sáu (2008), *Di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

#### *3.30.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:*

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thi vấn đáp/tự luận/tiểu luận

### ***3.31. Quản lý nguồn nhân lực văn hóa***

#### *3.31.1. Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần “Quản lý nguồn nhân lực văn hóa” là học phần thuộc nhóm kiến thức ngành của ngành Quản lý Văn hóa. Nội dung học phần “Quản lý nguồn nhân lực văn hóa” tập trung vào cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về quản lý nguồn nhân lực, nguồn nhân lực văn hoá nghệ thuật, các đặc trưng của tổ chức văn hoá nghệ thuật, quản lý nguồn nhân lực, vai trò mục đích và nguyên tắc quản lý nguồn nhân lực, tuyển chọn, sử dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

#### *3.31.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

- Những vấn đề cơ bản về nguồn nhân lực, nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hoá nghệ thuật và quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hoá nghệ thuật

- Một số nội dung cơ bản của quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hoá nghệ thuật: hoạch định nguồn nhân lực, tuyển dụng nguồn nhân lực, sử dụng và đánh giá năng lực thực hiện công việc của nhân viên, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hoá nghệ thuật

### *3.31.3. Năng lực cần đạt*

- Năng lực học tập theo vấn đề, làm việc và học tập một cách chủ động và sáng tạo.

- Năng lực thực hiện tốt các quy trình quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hoá nghệ thuật: hoạch định nguồn nhân lực, phân tích vấn đề, tuyển dụng nguồn nhân lực, sử dụng và đánh giá năng lực thực hiện công việc của nhân viên...

- Năng lực làm việc nhóm, thảo luận, phát hiện vấn đề, phân tích đưa ra giải pháp hợp lý cho các vấn đề phát sinh liên quan đến kiến thức môn học.

### *3.31.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy*

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

### *3.31.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học*

#### *3.31.5.1. Tài liệu bắt buộc*

Lê Thị Hòa (chủ biên) (2022), Tập bài giảng *Quản lý nguồn nhân lực văn hóa* (tài liệu lưu hành nội bộ), Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

#### *3.31.5.2. Tài liệu tham khảo*

1. Nguyễn Lan Thanh (Chủ biên) (2008), *Giáo trình quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật*, Nxb đại học quốc gia Hà Nội.

2. Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Tấn Thịnh (2012), *Giáo trình quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

3. Nguyễn Tiệp (2005), *Giáo trình nguồn nhân lực*, Nxb Lao động Xã hội

4. Bùi Văn Nhơn (chủ biên), Nguyễn Trịnh Kiểm, Đinh Thị Minh Tuyết (2011), *Giáo trình quản lý nguồn nhân lực xã hội*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.

### *3.31.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:*

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận/tiểu luận

## **3.32. Xây dựng văn hóa cộng đồng**

### *3.32.1. Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần *Xây dựng văn hóa cộng đồng* là học phần chuyên ngành Quản lý văn hóa cung cấp cho người học hệ thống lý thuyết và khái niệm liên quan văn hóa cộng đồng phân tích rõ những đặc trưng văn hóa cộng đồng, thực trạng văn hóa cộng đồng ở Việt Nam. Bên cạnh đó, cung cấp phương pháp, quy trình trong xây dựng văn hóa cộng đồng. Trên cơ sở đó người học có được cái nhìn tổng quan về văn hóa cộng đồng hiện nay và tổ chức phát triển cộng đồng

### 3.32.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Các lý thuyết về xây dựng văn hóa cộng đồng;
- Thực trạng văn hóa cộng đồng, khuynh hướng phát triển của văn hóa cộng đồng ở Việt Nam.

- Quy trình, phương pháp, tổ chức hoạt động văn hóa cộng đồng

### 3.32.3. Năng lực cần đạt

- Năng lực đưa ra quan điểm khoa học trong quản lý, tổ chức hoạt động của các hoạt động văn hóa cộng đồng để tự tin, đủ khả năng làm việc cá nhân hay nhóm sau khi ra trường tại các cơ sở văn hóa trong và ngoài nước.

- Năng lực đọc, xử lý văn bản, kỹ năng tổ chức và điều hành, kỹ năng tham mưu, tư vấn; kỹ năng ban hành các văn bản liên quan đến công tác quản lý các thiết chế Văn hóa.

- Năng lực làm việc nhóm, làm việc độc lập, giao tiếp, tổ chức các hoạt động, sự kiện - Năng lực nhận thức vấn đề quản lý chung các lĩnh vực Văn hóa

- Năng lực nhận diện cộng đồng

- + Năng lực hoạt động văn hóa cộng đồng;

- + Năng lực thiết kế xây dựng phát triển văn hóa cộng đồng

### 3.32.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

### 3.32.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

#### 3.32.5.1. Tài liệu bắt buộc

TS. Nguyễn Kim Liên (2008), *Giáo trình phát triển cộng đồng*, Nxb Lao động – Xã hội, Hà Nội.

#### 3.32.5.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Cao Đức Hải chủ biên (2009), *Giáo trình quản lý dự án văn hoá nghệ thuật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2]. Lê Thị Hiền (2012), *Chính sách văn hóa*, Nxb Hà Nội.

[3]. Hà Văn Tăng (2004), *Tài liệu nghiệp vụ văn hoá - thông tin cơ sở*, Nxb Hà Nội.

#### 3.32.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần tham gia thảo luận, bài tập thực hành...

- Đánh giá giữa học phần: Kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận/Tiểu luận

### **3.33. Xây dựng kế hoạch, dự án văn hóa**

#### **3.33.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần *Xây dựng kế hoạch, dự án văn hóa* là học phần chuyên ngành trang bị cho sinh viên các vấn đề chung về dự án và dự án văn hóa; Tầm quan trọng của việc hình thành ý tưởng dự án văn hóa; Các bước xây dựng dự án văn hóa. Tính đặc thù của dự án văn hóa; Phương pháp và cách thức tổ chức thực hiện, quản lý một dự án nói chung và dự án văn hóa nói riêng. Học phần trang bị cho Sinh viên có thể hình thành ý tưởng sáng tạo mới, viết bản đề xuất dự án, lên kế hoạch và quản lý thực hiện một dự án. Làm bài tập thực hành về xây dựng một số bản kế hoạch và dự án cho các đơn vị/ cơ quan văn hóa hoặc các địa phương về lĩnh vực văn hóa.

#### **3.33.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

- Các vấn đề chung về dự án và dự án văn hóa;  
- Tầm quan trọng của việc hình thành ý tưởng dự án văn hóa;  
- Các bước xây dựng dự án văn hóa;  
- Tính đặc thù của dự án văn hóa;  
- Phương pháp và cách thức tổ chức thực hiện, quản lý một dự án nói chung và dự án văn hóa nói riêng.

#### **3.33.3. Năng lực cần đạt**

- Năng lực xây dựng ý tưởng, xây dựng cây vấn đề của dự án văn hóa nghệ thuật và viết dự án văn hóa;  
- Năng lực lập kế hoạch và tiến độ dự án văn hóa;  
- Năng lực sử dụng các công cụ hỗ trợ, quản lý dự án văn hóa;  
- Năng lực làm việc nhóm.

#### **3.33.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy**

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận  
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

#### **3.33.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo**

##### **3.33.5.1. Tài liệu bắt buộc**

1. Cao Đức Hải (2009), *Giáo trình quản lý dự án văn hóa nghệ thuật*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

##### **3.33.5.2. Tài liệu tham khảo**

1. Cao Đức Hải (chủ biên) (2009), *Giáo trình quản lý dự án văn hóa nghệ thuật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Học viện Hành chính (2010), *Giáo trình Quản lý học đại cương*, Nxb Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.

#### *3.33.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:*

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thi thực hành

#### **3.34. Quản lý nhà nước về gia đình**

##### *3.34.1. Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần *Quản lý Nhà nước về gia đình* là học phần chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hoá cung cấp cho người học hệ thống chính sách lĩnh vực gia đình; Nội dung quản lý gia đình của Đảng, Nhà nước Việt Nam, từ đó sinh viên hình thành quan điểm, bản lĩnh, trình độ, nghiệp vụ khi thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về gia đình. Đồng thời, cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về khoa học quản lý về gia đình; Quan điểm, nguyên tắc, phương thức cơ bản của Đảng, Nhà nước trong quản lý gia đình; Hệ thống kiến thức về luật pháp và các văn bản dưới luật liên quan đến gia đình.

##### *3.34.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

- Những vấn đề cơ bản trong quản lý nhà nước về gia đình;  
- Bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa gia đình;  
- Khai thác, phát huy giá trị văn hoá gia đình trong bối cảnh hiện nay;  
- Những vấn đề đặt ra trong công tác quản lý, xây dựng gia đình Việt Nam trong bối cảnh đương đại và những cơ sở pháp lý để thực hiện.

##### *3.34.3. Năng lực cần đạt*

- Năng lực đọc tra cứu, nghiên cứu xử lý tư liệu, phân tích, tổng hợp trong nghiên cứu các tư liệu gia đình và những nguồn sử liệu mới phát hiện phục vụ công tác quản lý gia đình của nhà nước.

- Năng lực thực hiện tốt các quy trình quản lý nhà nước về gia đình như: xây dựng hệ thống văn bản hồ sơ quản lý nhà nước về gia đình. Hồ sơ khoa học bảo tồn, chống xuống cấp văn hóa gia đình, phục vụ công tác quản lý và khai thác phát huy giá trị văn hoá gia đình hiện nay.

- Năng lực thẩm định, đánh giá, giá trị hệ thống văn hoá gia đình, cũng như hoạch định chính sách, tư vấn ban hành hệ thống văn bản quản lý của nhà nước trong công tác quản lý và phát triển văn hoá gia đình.

##### *3.34.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy*

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

### 3.34.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

#### 3.34.5.1. Tài liệu bắt buộc

Bùi Thị Hậu (2022), *Tập bài giảng Quản lý Nhà nước về gia đình*, tài liệu lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

#### 3.34.5.2. Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Bá Thịnh, *Giáo trình gia đình học*, Nxb ĐH Quốc gia Hà Nội, 2016

2. Lê Ngọc Văn, *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*, Nxb Hà Nội, 2012

### 3.34.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận/tiểu luận

### 3.35. Quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật

#### 3.35.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về các hoạt động biểu diễn nghệ thuật cũng như hệ thống chính sách, quan điểm, đường lối, luật, nghị định của nhà nước về các vấn đề thủ tục cấp phép, những vấn đề nghiêm cấm của hoạt động biểu diễn nghệ thuật hiện nay. Những tồn tại, hạn chế và các giải pháp phát triển các hoạt động nghệ thuật. Sinh viên biết vận dụng và có phương pháp quản lý linh hoạt các hoạt động này trong giai đoạn hiện nay.

#### 3.35.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Kiến thức về quản lý các hoạt động nghệ thuật biểu diễn như hoạt động biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và văn học;

- Một số văn bản quản lý nhà nước về Nghệ thuật biểu diễn; kỹ năng điều hành và quản lý các hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo đặc thù của từng loại hình nghệ thuật.

#### 3.35.3. Năng lực cần đạt

- Năng lực nắm bắt bản chất, đặc điểm của các hoạt động biểu diễn nghệ thuật.

- Năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thực tế quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật.

#### 3.35.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

### 3.35.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

#### 3.35.5.1. Tài liệu bắt buộc

Vũ Thị Thuỳên, Nguyễn Thị Thùy (2022), *Tập bài giảng Quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

#### 3.35.5.2. Tài liệu tham khảo

1. Hà Văn Tăng, *Tài liệu nghiệp vụ văn hóa thông tin cơ sở*, Hà Nội 2004
2. Thông tư 03/2013/TT-BVHTT&DL quy định chi tiết thi hành 1 số điều NĐ 79/2012/NĐ-CP ngày 5/10/2012 của CP quy định về biểu diễn, nghệ thuật trình diễn thời trang, thi người đẹp và người mẫu, lưu hành; kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc sân khấu.
3. Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng bá
4. Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg ngày 20/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề nghiệp và chế độ bồi dưỡng đối với người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn.
5. Nghị định số 79/2012/NĐ-CP và NĐ 15/2016/ NĐ- CP về nghệ thuật biểu diễn.
6. Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2021).
7. Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 18/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2021, định hướng đến năm 2030

#### 3.35.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận

### 3.36. *Quản lý hoạt động mỹ thuật*

#### 3.36.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học khái quát về các loại hình mỹ thuật, hoạt động mỹ thuật; cung cấp bộ công cụ cơ bản về xây dựng và quản lý dự án mỹ thuật; trong đó cụ thể hóa các nội dung như phân tích bối cảnh, nắm bắt nhu cầu, xác định vấn đề và giải pháp khắc phục khó khăn, hình thành ý tưởng, viết đề xuất dự án, lên kế hoạch và quản lý hoạt động, vận dụng kiến thức đã học vào trường hợp quản lý cụ thể ở đơn vị chuyên môn lĩnh vực mỹ thuật.

#### 3.36.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Các văn bản pháp quy trong lĩnh vực mỹ thuật, các hoạt động mỹ thuật hiện hành như gallery thương mại, gallery phi thương mại, dịch vụ mỹ thuật, bảo tàng mỹ thuật...
- Các kỹ năng xây dựng kế hoạch, thực hành được quy trình của một dự án mỹ thuật ở mức độ đơn giản.

#### 3.36.3. Năng lực cần đạt

- Năng lực nắm bắt bản chất, đặc điểm của các hoạt động mỹ thuật.
- Năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thực tế quản lý hoạt động mỹ thuật.

#### 3.36.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

#### 3.36.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

##### 3.36.5.1. Tài liệu bắt buộc

1. Trần Việt Anh (2022), *Tập bài giảng quản lý hoạt động mỹ thuật*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.
2. Nguyễn Thị Thục, *Tập bài giảng Khoa học Quản lý* (tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.
3. Cao Đức Hải (2005), *Quản lý dự án văn hóa nghệ thuật*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội

##### 3.36.5.2. Tài liệu tham khảo

1. Gaston Courtois (2002), *Lãnh đạo và quản lý - một nghệ thuật*, Nxb Lao động Xã hội, Hà Nội.
2. H. Koontz và các tác giả (1994), *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*, Nxb Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.
3. Lê Hồng Lô (2004), *Đạo của quản lý*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Hồ Văn Vĩnh (CB) (2003), *Giáo trình khoa học quản lý*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

#### 3.36.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...
- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết
- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận/tiểu luận

### 3.37. Quản lý hoạt động Thông tin, Truyền thông

#### 3.37.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần “Quản lý hoạt động Thông tin, Truyền thông” cung cấp cho sinh viên các khái niệm, lịch sử hình thành, sự phát triển, mối quan hệ và vai trò Thông tin và Truyền thông cũng như các vấn đề đặt ra trong việc quản lý Thông tin – truyền thông trong giai đoạn hiện nay. Học phần đi sâu vào nghiên cứu quản lý nhà nước trong lĩnh vực Thông tin – Truyền thông. Bao gồm quản lý nhà nước về Internet, viễn thông, công nghệ thông tin, báo chí, xuất bản,.... thanh tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực Thông tin truyền thông.

#### 3.37.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Các kiến thức chung Thông tin – Truyền thông; Chính sách của Nhà nước về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; Quản lý nhà nước về ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển công nghệ thông tin;

- Nắm được những kiến thức về quy hoạch tần số vô tuyến điện cấp phép, kiểm tra và kiểm soát, đăng ký quốc tế và giải quyết khiếu nại liên quan đến vi phạm về chính sách của Nhà nước về tần số vô tuyến điện.

- Nguyên tắc quản lý báo chí; Nguyên tắc quản lý của nhà nước về xuất bản

### **3.37.3. Năng lực cần đạt**

- Năng lực học tập theo vấn đề, làm việc và học tập một cách chủ động và sáng tạo.

- Năng lực thực hiện tốt các quy trình quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hoá nghệ thuật: hoạch định nguồn nhân lực, phân tích vấn đề, tuyển dụng nguồn nhân lực, sử dụng và đánh giá năng lực thực hiện công việc của nhân viên...

- Năng lực làm việc nhóm, thảo luận, phát hiện vấn đề, phân tích đưa ra giải pháp hợp lý cho các vấn đề phát sinh liên quan đến kiến thức môn học.

### **3.37.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy**

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

### **3.37.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học**

\* Tài liệu bắt buộc

1. Nguyễn Thị Thủy (2023), *Tập bài giảng Quản lý các hoạt động thông tin – truyền thông: Dành cho sinh viên ngành Quản lý Văn hóa*, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

\* Tài liệu tham khảo thêm

1. Lê Thị Dung (2008), *Bài giảng hoạt động thông tin truyền tin tại cơ sở*, NXB Lao động xã hội.

2. Hà Văn Tăng (2004), *Tài liệu nghiệp vụ văn hoá - thông tin cơ sở*, Nxb Hà Nội.

### **3.37.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:**

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận

## **3.38. Gây quỹ và tìm tài trợ**

### **3.38.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần trang bị cho người học các kiến thức tổng quan, cơ sở lý luận về gây quỹ và tìm tài trợ trong các tổ chức văn hoá nghệ thuật như: khái niệm, tầm quan trọng, các nguồn tài trợ, các bước trong quy trình gây quỹ và tìm tài trợ và một số hình thức gây quỹ và tìm tài trợ phổ biến hiện nay. Sau khi kết thúc học phần sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để có thể làm việc trong các tổ chức văn hoá nghệ thuật. Có khả năng lập kế hoạch, xây dựng phương án và tổ chức thực hiện hoạt động Gây quỹ và tìm tài trợ một cách chuyên nghiệp và hiệu quả nhất.

### *3.38.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

- Kiến thức cơ bản về khái niệm, hình thức, kỹ năng gây quỹ và tìm tài trợ
- Đặc điểm của tổ chức văn hóa nghệ thuật và cách vận động thích hợp.
- Các bước triển khai một dự án gây quỹ, tìm tài trợ.
- Một số hình thức gây quỹ, tìm tài trợ điển hình

### *3.38.3. Năng lực cần đạt*

- Năng lực vận dụng các hiểu biết về khái niệm, hình thức, kỹ năng gây quỹ và tìm tài trợ trong công việc thực tế.

- Năng lực phân tích đặc điểm của tổ chức văn hóa – nghệ thuật để áp dụng phương pháp gây quỹ và tìm tài trợ phù hợp.

- Năng lực vận dụng kiến thức đã học để xây dựng kế hoạch gây quỹ và tìm tài trợ.

### *3.38.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy*

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

### *3.38.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học*

#### *3.38.5.1. Tài liệu bắt buộc*

Ngô Ánh Hồng, Nguyễn Thị Anh Quyên, Đỗ Thị Thanh Thủy (2018). *Giáo trình Gây quỹ và tìm tài trợ cho các tổ chức văn hóa nghệ thuật*, Nxb Lao động.

#### *3.38.5.2. Tài liệu tham khảo*

1. Cao Đức Hải (2009), *Giáo trình quản lý dự án văn hóa nghệ thuật*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
2. Ngô Anh Hồng (2009), *Gây quỹ trái tim*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

### *3.38.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:*

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết
- Đánh giá kết thúc học phần: thi thực hành

## ***3.39. Thiết kế ấn phẩm truyền thông***

Học phần Thiết kế ấn phẩm truyền thông là học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ truyền thông. Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về hoạt động thiết kế ấn phẩm truyền thông như khái niệm, vai trò của ấn phẩm truyền thông, các loại hình ấn phẩm truyền thông, Phương pháp thiết kế ấn phẩm truyền thông, cách sử dụng phần mềm Corel và ứng dụng phần mềm Corel để thiết kế ấn phẩm truyền thông

### *3.39.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

- Hiểu được khái niệm, vai trò của ấn phẩm truyền thông, các loại hình ấn phẩm truyền thông và phương pháp thiết kế ấn phẩm truyền thông.

### 3.39.3. Năng lực cần đạt

- Vận dụng phương pháp thiết kế để thiết kế các sản phẩm truyền thông như: Poster, Banner, bìa sách, standee,...

- Kỹ năng tự học và tự nghiên cứu, vận dụng vào thực tiễn, khả năng làm việc độc lập, kỹ năng phối hợp làm việc nhóm

### 3.39.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

### 3.39.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

#### 3.39.5.1. Tài liệu bắt buộc

1. Đinh Lộc (2022), *Tập bài giảng Thiết kế ấn phẩm truyền thông: Tài liệu lưu hành nội bộ*, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

#### 3.39.5.2. Tài liệu tham khảo

2. Lisa Graham, (2015), *Nhập môn Tư duy và thiết kế: Bố cục và Typography*, NXB Đại học Bách Khoa Hà Nội.

3. Robin Landa, (2013), *Thiết kế trải nghiệm thương hiệu*, NXB CENGAGE Learning.

4. Alex W. White, (2010), *The Elements of Graphic Design*.

### 3.39.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: thực hành

- Đánh giá kết thúc học phần: thi thực hành

## 3.40. Tổ chức sự kiện

### 3.40.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự kiện và tổ chức sự kiện: cách tư duy hình thành chủ đề, phương pháp lập các bản kế hoạch, dự toán ngân sách cho sự kiện, công tác chuẩn bị cho tổ chức sự kiện, điều hành diễn biến của sự kiện, kết thúc sự kiện. Giúp sinh viên nắm được quy trình trong việc tổ chức một sự kiện. Học phần cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong việc phân tích, tổng hợp, đánh giá sự kiện. Kỹ năng tổ chức và điều hành các chương trình, sự kiện theo quy trình. Người học có thể ứng dụng học phần này trong tác nghiệp chuyên môn thuộc các cơ quan quản lý văn hóa Nhà nước cũng như trực tiếp tham gia công việc tổ chức và kinh doanh sự kiện tại những tổ chức và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau.

### 3.40.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Sinh viên nắm vững và hiểu được các khái niệm, phân loại, các thành phần tham gia vào sự kiện, những yếu tố ảnh hưởng đến sự kiện và tác động của sự kiện đến một số lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Sinh viên có kiến thức và kỹ năng trong việc cách xác định chủ đề sự kiện, xây dựng các loại kế hoạch chi sự kiện, dự toán ngân sách sự kiện.

- Sinh viên có kiến thức và kỹ năng trong việc thống kê, xác định và thực hành các công tác chuẩn bị cho tổ chức sự kiện, điều hành diễn biến của sự kiện, kết thúc sự kiện.

#### *3.40.3. Năng lực cần đạt*

+ Năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá sự kiện

+ Năng lực về lập kế hoạch, thiết kế ý tưởng, xây dựng kịch bản và dự toán ngân sách sự kiện

+ Năng lực tổ chức và điều hành các chương trình, sự kiện

+ Năng lực thuyết trình, làm việc nhóm

#### *3.40.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy*

- Hình thức tổ chức: Quan sát, chú ý giảng viên thị phạm, làm bài tập mẫu và thực hành theo các bài tập giảng viên đưa ra kết hợp với tư duy sáng tạo của sinh viên trong việc thiết kế ý tưởng, xây dựng kịch bản sự kiện và điều hành sự kiện.

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thị phạm, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

#### *3.40.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo*

\* Tài liệu bắt buộc

.1 Vũ Thị Huyền (năm 2020), Tập bài giảng học phần tổ chức sự kiện (Tài liệu lưu hành nội bộ Trường ĐHVH, TT&DL Thanh Hóa)

\* Tài liệu tham khảo:

1. Lưu Văn Nghiêm, *Tổ chức sự kiện*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, năm 2009

2. Nguyễn Vũ Hà, *Tập bài giảng Tổ chức sự kiện*, Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội, năm 2009

3. Lưu Kiếm Thanh, *Kỹ năng tổ chức sự kiện*, Học viện Hành chính Quốc gia, năm 2007

#### *3.40.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:*

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, khả năng thực hành theo tư duy tổng hợp và sáng tạo trong thiết kế biên tập kịch bản, xây dựng chương trình, lập kế hoạch, khả năng tổ chức và điều hành sự kiện, tinh thần xây dựng bài, khả năng làm bài tập nhóm...

- Đánh giá kết thúc học phần: Đánh giá sản phẩm thực hành: Tổ chức và điều hành thành công một sự kiện phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

### **3.41. *Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp***

#### *3.41.1. Tóm tắt nội dung học phần*

Môn học dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp giúp cho sv có được kỹ năng tổng hợp của người đạo diễn, chỉ đạo tổ chức sản xuất các chương trình nghệ thuật quần

chúng. Sinh viên được tăng cường khả năng thực hành biểu diễn nghệ thuật các môn năng khiếu như: múa, thanh nhạc, diễn kịch. Bên cạnh đó thể hiện được khả năng tổ chức sắp xếp mọi công việc để hoàn thành một chương trình biểu diễn nghệ thuật. Cơ bản trang bị cho sinh viên ngành Quản lý văn hóa một nền tảng tốt về kỹ năng, phương pháp dàn dựng một chương trình nghệ thuật, giúp các em bước đầu chủ động trong việc chỉ đạo và tổ chức một chương trình văn hóa nghệ thuật, và vận dụng được cho công việc của các em sau khi ra trường.

#### *3.41.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

Kiến thức cơ bản về khái niệm, phân loại, vai trò, chức năng của các loại hình nghệ thuật bao gồm ca múa nhạc quần chúng và sân khấu không chuyên, các phương pháp và kiến thức về biên tập, viết kịch bản, dàn dựng và đạo diễn các chương trình nghệ thuật tổng hợp mang tính quần chúng để phục vụ công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về văn hóa. Đồng thời, giúp sinh viên sau khi ra trường có thể vận dụng những kiến thức đó để thực hành dàn dựng và đạo diễn các chương trình nghệ thuật tạo cơ sở hoặc tại các cơ quan, đơn vị.

#### *3.41.3. Năng lực cần đạt*

- + Năng lực biên tập và dàn dựng chương trình ca múa nhạc quần chúng
- + Năng lực thực hành tốt công tác dàn dựng, đạo diễn các chương trình ca múa nhạc quần chúng theo chủ đề
- + Năng lực xây dựng kịch bản tiểu phẩm của sân khấu không chuyên
- + Thực hành đạo diễn một số tiểu phẩm ngắn có nội dung đề cập đến lĩnh vực văn hóa – xã hội hiện nay.

#### *3.41.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy*

- Hình thức tổ chức: Quan sát giảng viên thị phạm và thực hành theo kết hợp với tư duy sáng tạo của sinh viên trong việc biên tập và dàn dựng chương trình, tiết mục.
- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thị phạm, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

#### *3.41.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo*

\* Tài liệu bắt buộc

Vũ Thị Huyền (năm 2020), Tập bài giảng học phần *Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp* (Tài liệu lưu hành nội bộ Trường ĐHVH, TT&DL Thanh Hóa)

\* Tài liệu tham khảo

1. Lê Tuấn Anh (2007), *Dàn dựng chương trình tổng hợp*, Nxb Giáo dục.
2. Lê Ngọc Canh (2009), *Phương pháp đạo diễn chương trình nghệ thuật tổng hợp*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội
3. Lê Ngọc Khanh (2006), *Đạo diễn các chương trình nghệ thuật*, Nxb giáo dục

#### *3.41.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:*

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, khả năng thực hành theo, tư duy tổng hợp và sáng tạo trong thiết kế biên tập kịch bản, xây dựng chương trình, tinh thần xây dựng bài, khả năng làm bài tập nhóm...

- Đánh giá kết thúc học phần: Đánh giá sản phẩm thực hành. Đạo diễn và dàn dựng được các chương trình biểu diễn nghệ thuật không chuyên.

### **3.42. Kỹ năng giao tiếp**

#### **3.42.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần *Kỹ năng giao tiếp* giới thiệu cho sinh viên những vấn đề chung về giao tiếp, ứng xử. Trên cơ sở những kiến thức về giao tiếp hình thành các kỹ năng giao tiếp như: Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng viết, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng giao tiếp qua điện thoại, cách sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp. Những đặc trưng trong giao tiếp của người Việt; vai trò của giao tiếp, ứng xử đối với các cán bộ làm công tác văn hóa xã hội. Đặc biệt, sinh viên được thực hành các kỹ năng giao tiếp qua đó hình thành những kỹ năng giao tiếp phù hợp với nghề nghiệp trong tương lai.

#### **3.42.1.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về giao tiếp gồm:

- Nắm được những vấn đề chung về giao tiếp, phân tích được mô hình, vai trò và các loại giao tiếp.

- Khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò, các loại giao tiếp, nguyên tắc giao tiếp

- Các nghi thức giao tiếp cơ bản, ấn tượng ban đầu trong giao tiếp

- Kiến thức về văn hóa trong giao tiếp ứng xử trong công sở

- Lĩnh hội được hệ thống kiến thức về kỹ năng giao tiếp trên cơ sở đó vận dụng vào việc rèn luyện kỹ năng

#### **3.42.1.3. Năng lực cần đạt**

Vận dụng kiến thức lý thuyết về giao tiếp, sinh viên trực tiếp thực hành thông qua hệ thống bài tập tình huống nhằm hình thành những kỹ năng cơ bản như:

- Thuyết trình, thuyết phục,

- Lắng nghe,

- Sử dụng phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ,

- Kỹ năng vận dụng các nguyên tắc giao tiếp, ứng xử trong quá trình học tập, cuộc sống và nghề nghiệp sau này.

- Kỹ năng nghe, nói, viết khoa học, mạch lạc và hiệu quả trong học tập, nghề nghiệp và cuộc sống.

#### **3.42.1.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy**

- *Hình thức tổ chức*: tổ chức học tập theo lớp hoặc phân nhóm thảo luận, xemina, thực hành nhóm, cá nhân.

- *Phương pháp giảng dạy*: phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm, phát vấn, đàm thoại...

#### **3.42.1.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo**

\* *Tài liệu bắt buộc*:

1. Tập bài giảng: Kỹ năng giao tiếp – tài liệu lưu hành nội bộ của trường đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

2. Chu Văn Đức (chủ biên) *Giáo trình Kỹ năng giao tiếp*, NXB Hà Nội

\* *Tài liệu tham khảo*

1. Đinh Văn Đáng (2005), *Giáo trình Kỹ năng giao tiếp*, Tổng cục Du lịch - Hội đồng biên soạn giáo trình.

2. Nguyễn Văn Đính (chủ biên) (1995), *Giáo trình Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch*, NXB Thống kê, Hà Nội.

3.42.1.6. *Phương pháp đánh giá học phần/môn học:*

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thực hành

### **3.43. Teambuilding**

#### *3.43.1. Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần cung cấp cho người học hệ thống tổng quan kiến thức về teambuilding. Học phần cũng cung cấp cho người học các kỹ năng cơ bản trong việc tổ chức tổ chức các hoạt động teambuilding trong nhà và ngoài trời và cách giải quyết các tình huống khi tổ chức teambuilding.

#### *3.43.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

- Những vấn đề cơ bản về teambuilding

- Các trò chơi ứng dụng của teambuilding

- Quy trình tổ chức trò chơi teambuilding

- Một số cách xử lý tình huống khi tổ chức teambuilding

#### *3.43.3. Năng lực cần đạt*

- Năng lực đọc tra cứu, nghiên cứu kiến thức các hoạt động hoạt náo teambuilding

- Năng lực thực hiện tốt các kỹ năng tổ chức hoạt náo, teambuilding

- Năng lực thực hiện quy trình tổ chức một trò chơi teambuilding

- Năng lực xử lý các tình huống của các hoạt động hoạt náo trên xe, tổ chức teambuilding và tổ chức gala trong du lịch

#### *3.43.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy*

- Hình thức tổ chức: quan sát và lắng nghe giảng viên thị phạm làm mẫu, sinh viên làm theo và sửa sai

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp thực hành theo mẫu

#### *3.43.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo*

##### *3.43.5.1. Tài liệu bắt buộc*

1. Chu Quốc Anh- Trần Thị Hồng Diệp- Đỗ Thanh Huyền- Nguyễn Ngọc Khánh (2020), *Cẩm nang teambuilding*

2. Nguyễn Cương Hiền, *101 tình huống đối với hướng dẫn viên du lịch*, NXB. Văn hóa dân tộc.

#### 3.43.5.2. Tài liệu tham khảo thêm

1. Thái Trí Dũng (2009), *Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh*, NXB Thống kê

2. Carol A. Fleming (2012), *Cải thiện ngôn ngữ và phong cách nói để trở thành người phát ngôn lưu loát*, Nxb Từ điển Bách Khoa.

3. Lowndes, Leil (2009), *Nghệ thuật giao tiếp để thành công*, NXB Lao động xã hội

#### 3.43.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn

Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: thực hành kỹ năng trên lớp

- Đánh giá kết thúc học phần: thực hành kỹ năng trên lớp

#### 3.1.7. Quy định đánh giá học phần

Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:

+ Điểm chuyên cần, thái độ

+ Điểm thi kết thúc học phần - Sinh viên phải tham dự đầy đủ các 02 bài thực hành.

Điểm trung bình cộng là trung bình cộng của 2 bài thực hành.

### **3.44. Quản lý dịch vụ văn hóa**

#### **3.44.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức thiết kế gồm 3 chuyên đề, cung cấp cho sinh viên các kiến thức nâng cao về thị trường văn hóa, quản lý thị trường văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

Nắm vững những vấn đề lý luận cơ bản về thị trường, thị trường văn hóa; quản lý thị trường văn hóa trong phát triển kinh tế xã hội hiện nay. Định hướng được những yếu tố tác động và xu thế phát triển của thị trường văn hóa trong tương lai.

Phân tích rõ mối quan hệ tác động giữa văn hóa và kinh tế trong phát triển để thấy vai trò của thị trường văn hóa trong việc điều chỉnh các quan hệ kinh tế.

#### **3. 44.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

- Những kiến thức và kỹ năng cơ bản về các ngành công nghiệp văn hóa như khái niệm, qui trình sáng tạo – phân phối của công nghiệp văn hóa, đặc điểm, vai trò của các ngành này đối với sự phát triển kinh tế xã hội, bối cảnh, xu hướng phát triển của công nghiệp văn hóa và chính sách phát triển các ngành công nghiệp văn hóa của một số quốc gia.

- Giới thiệu và phân tích một số ngành công nghiệp văn hóa trên thế giới và ở Việt Nam

- Khai thác, phát huy các thế mạnh của các ngành công nghiệp văn hóa trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay.

### 3. 44.3. Năng lực cần đạt

- Năng lực điền dã, đọc tra cứu, nghiên cứu xử lý tư liệu, phân tích, tổng hợp trong nghiên cứu xử lý tư liệu, phân tích, tổng hợp trong nghiên cứu các số liệu điều tra.

- Năng lực thực hiện tốt các kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập

- Năng lực thẩm định, đánh giá, trong công tác thẩm định, đánh giá, quản lý thị trường văn hóa có hiệu quả cao.

### 3. 44.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

### 3. 44.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học

#### 3.44.5.1. Tài liệu bắt buộc

Tập bài giảng *Quản lý dịch vụ văn hóa* (2020). Tài liệu lưu hành nội bộ. Trường Đại học Văn hóa Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

#### 3. 44.2. Tài liệu tham khảo

1. Cao Đức Hải (chủ biên) (2009), *Giáo trình quản lý dự án văn hóa nghệ thuật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. PGS.TS Mai Hải Oanh (2011), *Quan hệ giữa xây dựng văn hóa và phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị - Hành chính.

### 3. 44.6. Phương pháp đánh giá học phân/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phân: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phân: thi tự luận

### **3.45. Marketing văn hóa nghệ thuật**

#### 3.45.1. Tóm tắt nội dung học phần

Marketing là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về Marketing, vai trò của Marketing trong doanh nghiệp kinh doanh du lịch, xu hướng của hoạt động bán hàng trong xu thế toàn cầu hóa, học phần marketing cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về môi trường hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, nghiên cứu và phân tích về hành vi mua sắm - tiêu dùng sản phẩm hàng hóa dịch vụ, có được kiến thức về hoạt động phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường, phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng.

#### 3.45.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Tầm quan trọng, bản chất, các chức năng cơ bản của Marketing;

- Khái niệm và sức ảnh hưởng của môi trường Marketing;

- Hành vi của người tiêu dùng và doanh nghiệp;

- Quy trình nghiên cứu thị trường, cách phân khúc, lựa chọn và định vị thị trường;

- Chiến lược phát triển sản phẩm mới, chiến lược định giá, chiến lược phân phối, các hoạt động truyền thông marketing, các chiến lược chiêu thị và cổ động;
- Cách thức lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và kiểm soát Marketing.

### 3.45.3. Năng lực cần đạt

- Năng lực vận dụng những kiến thức đã học vào lập kế hoạch Marketing cho một sản phẩm;

- Năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá một kế hoạch Marketing;

- Năng lực lập luận, thuyết trình trước công chúng.

### 3.45.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy

- Hình thức tổ chức: Nghe giảng do giảng viên trình bày kết hợp phát vấn, thảo luận

- Phương pháp giảng dạy: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở, vấn đáp.

### 3.45.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

#### 3.45.5.1. Tài liệu bắt buộc

Nguyễn Thị Lan Thanh (2014), *Marketing văn hóa nghệ thuật*, NXB lao động xã hội

#### 3. 45.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Minh Đạo (2009), *Giáo trình Marketing căn bản*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. Trần Ngọc Nam, Trần Huy Khang, *Marketing du lịch*, NXB Tp HCM

### 3.45.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:

- Đánh giá quá trình: căn cứ mức độ có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...

- Đánh giá giữa học phần: kiểm tra viết

- Đánh giá kết thúc học phần: thi tự luận

## 3.46. Thực tế chuyên ngành

### 3.46.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần thực tế chuyên ngành sinh viên được tham quan, tìm hiểu thực trạng tổ chức hoạt động văn hóa của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, các Trung tâm văn hóa trong nước và ngoài nước (nếu có điều kiện); Sinh viên nắm được các cách thức tổ chức hoạt động, quy trình quản lý các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và di tích, di sản văn hóa trong các hoạt động tại các điểm mà sinh viên đến; Sinh viên tiếp cận công tác tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động văn hóa trong hoạt động của đơn vị.

### 3.46.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Sinh viên thâm nhập thực tế nâng cao chuyên môn nghề nghiệp ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, các Trung tâm văn hóa qua đó hiểu thêm về cách thức tổ chức hoạt

động, quy trình quản lý các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và di tích, di sản văn hóa tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

- Kiến thức về tổ chức quy trình hoạt động nghiệp vụ văn hóa nghệ thuật trong các hoạt động quần chúng.

- Tiếp cận công tác thu thập, bảo vệ và khai thác sử dụng các giá trị văn hóa của dân tộc và quản lý các hoạt động văn hóa nghệ thuật của đơn vị; xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

#### *3.46.3. Kỹ năng đạt được*

*Rèn được kỹ năng thực hành thực tế:*

- Kỹ năng tổ chức quy trình hoạt động nghiệp vụ văn hóa trong các hoạt động văn hóa, nghệ thuật quần chúng.

- Kỹ năng thu thập, gìn giữ và khai thác sử dụng các giá trị văn hóa trong hoạt động nghiệp vụ và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

- Kỹ năng viết báo cáo thực tế

#### *3.46.4. Năng lực cần đạt*

- Năng lực nghiên cứu, quan sát, tìm hiểu và đánh giá công tác thực tiễn tổ chức hoạt động quản lý văn hóa nghệ thuật trong hoạt động của đơn vị.

- Năng lực đánh giá hiệu quả công việc của bản thân, đồng nghiệp và điều chỉnh kế hoạch thực tiễn tổ chức hoạt động quản lý văn hóa nghệ thuật trong hoạt động của đơn vị.

+ Rút kinh nghiệm về thực tiễn tổ chức hoạt động quản lý văn hóa nghệ thuật trong hoạt động của đơn vị.

#### *3.46.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy*

- Hình thức tổ chức: Đi thực tế ở cơ sở, quan sát, nắm bắt thực tế hoạt động quản lý văn hóa ở cơ sở. Làm việc nhóm, cá nhân, nhóm bài.

- Phương pháp giảng dạy: thuyết trình, thực hành, thảo luận, trực quan.

#### *3.46.5. Danh mục giáo trình, tài liệu dạy học*

##### *3.46.5.1. Tài liệu bắt buộc*

Kế hoạch, tài liệu thực tế chuyên ngành Quản lý văn hóa

##### *3.46.5.2. Tài liệu tham khảo*

Vũ Cao Đàm (2011), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Giáo dục (Tái bản lần thứ nhất)

#### *3.46.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:*

- Đánh giá quá trình: Người học phải tham dự đầy đủ và hoàn thiện báo cáo thực tế. Điểm của học phần được đánh giá dựa trên báo cáo thực tế của người học.

- Đánh giá kết thúc học phần: báo cáo thực tế

+ Điểm cơ sở thực tập đánh giá: hệ số 1

+ Bài báo cáo thu hoạch: hệ số 2

+Thuyết trình: hệ số 1

Cơ sở thực tế sẽ đánh giá điểm thực tế của sinh viên vào nhật ký hoặc phiếu đánh giá. Cơ sở đào tạo sẽ đánh giá điểm Báo cáo thu hoạch sau đợt đi thực tế của SV. Các con điểm sẽ nhân hệ số và tính TBC làm điểm kết thúc HP.

### **3.47. Thực tập cuối khóa**

#### **3.47.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần thực tập cuối khóa giúp người học tìm hiểu, nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách của nhà nước, bước đầu làm quen với quy trình hoạt động của bộ máy quản lý hành chính và chuyên môn tại các cơ quan, doanh nghiệp, thiết chế văn hóa. Bước đầu hình thành kỹ năng tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật quần chúng, các sự kiện văn hóa cho người học, đáp ứng nhu cầu xã hội.

#### **3.47.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

- Kiến thức nghề nghiệp thực tế trong lĩnh vực quản lý văn hóa tại các cơ quan, doanh nghiệp, các thiết chế văn hóa.

- Kiến thức về tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa của các cơ quan, doanh nghiệp nơi đến thực tập.

#### **3.47.3. Năng lực cần đạt**

- Năng lực nghiên cứu, quan sát, tìm hiểu và đánh giá công tác thực tiễn tổ chức hoạt động nghiệp vụ trong lĩnh vực quản lý văn hóa trong hoạt động của đơn vị.

- Năng lực đánh giá hiệu quả công việc của bản thân, đồng nghiệp và điều chỉnh kế hoạch thực tiễn tổ chức hoạt động nghiệp vụ trong lĩnh vực quản lý văn hóa trong hoạt động của đơn vị.

- Năng lực hoàn thiện bản thân về kiến thức và kỹ năng về thực tiễn tổ chức hoạt động văn hóa nghệ thuật của cơ quan, doanh nghiệp, các thiết chế văn hóa.

- Kỹ năng viết báo cáo thực tập

#### **3.47.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy**

- Hình thức tổ chức: Đi thực tế ở cơ sở. Làm việc nhóm, cá nhân, nhóm bài.

- Phương pháp giảng dạy: thuyết trình, hướng dẫn người học khảo sát thực tế thực hành, thảo luận, trực quan.

#### **3.47.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo**

##### **3.47.5.1. Tài liệu bắt buộc**

Kế hoạch, tài liệu thực tập cuối khóa ngành Quản lý văn hóa

##### **3.47.5.2. Tài liệu tham khảo**

Vũ Cao Đàm (2011), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Giáo dục (Tái bản lần thứ nhất)

#### **3.47.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:**

Người học phải tham dự đầy đủ và hoàn thiện báo cáo thực tế. Điểm của học phần được đánh giá dựa trên báo cáo thực tế của người học.

- Đánh giá kết thúc học phần: báo cáo thực hành

+ Điểm cơ sở thực tập đánh giá: hệ số 1

+ Bài báo cáo thu hoạch: hệ số 2

+Thuyết trình: hệ số 1

Cơ sở thực tập sẽ đánh giá điểm thực tập của sinh viên vào nhật ký hoặc phiếu đánh giá. Cơ sở đào tạo sẽ đánh giá điểm Báo cáo thu hoạch sau đợt đi thực tập của SV. Các con điểm sẽ nhân hệ số và tính TBC làm điểm kết thúc HP.

### **3.48. Báo cáo tốt nghiệp**

#### **3.48.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Báo cáo tốt nghiệp giúp sinh viên hình thành ý tưởng về vấn đề nghiên cứu khoa học, biết cách tổng hợp và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực quản lý văn hóa. Đây là kết quả của quá trình sinh viên vận dụng những kiến thức chuyên ngành để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra, góp phần rèn luyện và nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học của sinh viên.

#### **3.48.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

+ Nắm rõ các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành quản lý văn hóa

+ Biết cách vận dụng các kiến thức về quản lý văn hóa để giải quyết các vấn đề khoa học và thực tiễn.

#### **3.48.3. Kỹ năng đạt được**

*Rèn được kỹ năng viết báo cáo:*

- Kỹ năng thu thập, xử lý, tổng hợp, phân tích, đánh giá hoạt động nghiệp vụ văn hóa của đơn vị.

#### **3.48.4. Năng lực cần đạt**

+ Có khả năng nghiên cứu khoa học độc lập, có thể triển khai đề tài nghiên cứu theo đúng yêu cầu (về hình thức, nội dung, chống đạo văn...)

+ Có khả năng sưu tầm, phân tích, tổng hợp tài liệu... phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học quản lý văn hóa.

#### **3.48.4. Hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy**

- Hình thức tổ chức: Làm việc nhóm, cá nhân.

- Phương pháp giảng dạy: thực hành, thảo luận, thị phạm.

#### **3.48.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo**

1. Vũ Cao Đàm (2011), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Giáo dục (Tái bản lần thứ nhất).

2. Phạm Việt Vương (2004), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

#### **3.48.6. Phương pháp đánh giá học phần/môn học:**

- Đánh giá quá trình về *Sự chuyên cần, thái độ học tập*: căn cứ mức độ tham gia và hoàn thành tiến độ của thực hiện báo cáo tốt nghiệp (xác định vấn đề nghiên cứu, đề cương, phối hợp với giảng viên hướng dẫn...).

- Đánh giá kết thúc học phần: SV trình bày tóm tắt đề tài nghiên cứu của mình, trả lời câu hỏi của hội đồng, có sử dụng trình chiếu trên powerpoint, chấm thang điểm 10.

+ Bài báo cáo thu hoạch: hệ số 2

+ Thuyết trình: hệ số 1

+ Trả lời câu hỏi: hệ số 1

#### 4. Quy định đánh giá học phần

a) Điểm đánh giá học phần được tổ chức từ các điểm đánh giá bộ phận gồm:

\* Đối với học phần lý thuyết: Điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kỳ.

<b>Đánh giá quá trình</b>	50%
+ Sự chuyên cần, thái độ học tập	10%
Sự chuyên cần	5%
Thái độ học tập	5%
+ Hồ sơ học phần	20%
+ Đánh giá giữa kỳ	20%
<b>Đánh giá cuối kỳ</b>	50%

Đối với học phần thực hành và lý thuyết + thực hành: Điểm đánh giá tín chỉ học phần theo tỷ lệ tín chỉ.

Đối với học phần thực hành và lý thuyết + thực hành: Điểm đánh giá tín chỉ học phần theo tỷ lệ tín chỉ

<b>Đánh giá quá trình</b>	100%
+ Tín chỉ 1	25%
+ Tín chỉ 2	25%
+ Tín chỉ 3	25%
+ Tín chỉ 4	25%

#### 4.1. Đối với học phần lý thuyết:

\* *Điểm đánh giá chuyên cần:*

+ Đánh giá ý thức học tập của người học bao gồm: có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...).

+ Người học phải dự học ở lớp từ 80% số tiết học của học phần trở lên mới đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần.

+ Người học không được dự thi học phần bị tính điểm 0 (điểm F) cho học phần đó và phải học lại.

\* *Điểm đánh giá giữa học phần:*

+ Đối với học phần có số tín chỉ lý thuyết  $\leq 3$ : 1 lần kiểm tra

+ Đối với học phần có số tín chỉ lý thuyết  $\geq 4$ : 2 lần kiểm tra (Điểm đánh giá giữa kỳ là trung bình cộng 2 lần kiểm tra).

Điểm giữa kỳ giảng viên phải nộp về cho giáo vụ khoa và nộp về phòng Quản lý Đào tạo ngày sau khi kết thúc thi giữa học phần 1 tuần.

\* *Điểm đánh giá cuối kỳ*: Điểm đánh giá cuối kỳ là điểm của bài thi học kỳ theo kế hoạch chung của Nhà trường và được thực hiện theo các hình thức: tự luận, trắc nghiệm khách quan, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, tiểu luận (Hình thức đánh giá do Bộ môn quy định, ghi rõ trong Đề cương học phần đã được phê duyệt).

#### **4.2. Đối với học phần thực hành và học phần lý thuyết + thực hành:**

\* *Điểm đánh giá chuyên cần*:

+ Đánh giá ý thức học tập của người học bao gồm: có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà...).

+ Người học phải dự học ở lớp từ 80% số tiết học của học phần trở lên mới đủ điều kiện tính điểm đánh giá kết thúc học phần.

+ Người học không được dự thi học phần bị tính điểm 0 (điểm F) cho học phần đó và phải học lại.

\* *Điểm đánh giá giữa học phần*: Đánh giá quá trình theo tín chỉ

\* *Điểm đánh giá cuối học phần học phần thực hành*: Người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

\* *Điểm đánh giá cuối học phần học phần lý thuyết và thực hành*: Nếu số lượng loại tín nào nhiều hơn thì sẽ thi kết thúc học phần theo loại tín chỉ đó; nếu tỷ lệ tín chỉ thực hành và lý thuyết bằng nhau thì sẽ thi theo hình thức thực hành.

Tất cả các điểm bộ phận đều cho theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập

#### **4.3. Thống kê hình thức đánh giá các học phần**

TT	Mã HP	Tên HP	Hình thức đánh giá			Ghi chú
			CC	Giữa HP	Kết thúc HP	
1.	ĐC001	Triết học Mác - Lê nin	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Trắc nghiệm	
2.	ĐC002	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Trắc nghiệm	
3.	ĐC003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ	Tự luận	Trắc nghiệm	

			sơ học phần			
4.	ĐC004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Trắc nghiệm	
5.	ĐC005	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận	Trắc nghiệm	
6.	ĐC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Trắc nghiệm	
7.	ĐC007	Pháp luật đại cương	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Trắc nghiệm	
8.	ĐC008	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận	
9.	NN001	Tiếng Anh 1	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Vấn đáp	Trắc nghiệm	
10.	NN002	Tiếng Anh 2	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Vấn đáp	Trắc nghiệm	
11.	NN003	Tiếng Anh 3	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Vấn đáp	Trắc nghiệm	
12.	ĐC012	Tin học	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Thực hành	Thực hành	
13.	GDTC	Giáo dục thể chất	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Thực hành	Thực hành	
14.	GDQP	Quốc phòng - An ninh	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Thực hành	Thực hành	
15.	QVH009	Tiến trình lịch sử Việt Nam Vietnam's historical progress	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận / Tiểu luận	
16.	QVH002	Văn hóa các dân tộc ít người ở Việt Nam Culture of Vietnamese Ethnic minorities	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận / Tiểu luận	
17.	QVH003	Tín ngưỡng và	Sự chuyên cần,	Tự luận/vấn	Tự luận	

		tôn giáo Việt Nam Vietnamese belief and religion	thái độ học tập, hồ sơ học phần	đáp	/Tiểu luận	
18.	QVH007	Khoa học quản lý Management Science	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Trắc nghiệm/ Tự luận/ Tiểu luận	
19.	QVH017	Văn hóa công sở Office culture	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận	
20.	QVH012	Kinh tế học văn hóa Economic cultural Studies	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận	
21.	QVH010	Quản lý Nhà nước về Văn hóa State management of Culture.	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận / Tiểu luận	
22.	QVH005	Làng xã cổ truyền của người Việt Traditional Vietnamese villages	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận/ tiểu luận	
23.	QVH004	Văn hóa dân gian Việt Nam Vietnamese folk culture	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận/Tiểu luận	
24.	QVH008	Văn hóa học Culturology	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận / Tiểu luận	
25.	QVH001	Dân tộc học General ethnology	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận / Tiểu luận	
26.	QVH043	Xã hội học văn hóa Culture sociology	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận	
27.	QVH051	Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính Techniques of drafting administrative documents	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Thực hành	Thực hành	
28.	QVH014	Chính sách văn hóa Vietnamese	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận / Tiểu luận	

		Cultural policies	sơ học phần			
29.	QVH015	Công nghiệp văn hóa Cultural Industry	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận	
30.	QVH020	Quản lý thiết chế văn hóa Management of cultural institutions	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận/ Tiểu luận	
31.	QVH021	Quản lý di sản văn hóa Management of cultural heritage	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận/ tiểu luận	
32.	QVH023	Quản lý nguồn nhân lực văn hóa Management of cultural human resource	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận / Tiểu luận	
33.	QVH028	Xây dựng văn hóa cộng đồng Building community culture	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận / Tiểu luận	
34.	QVH027	Xây dựng kế hoạch, dự án văn hóa Building cultural project	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Thực hành	Thực hành	
35.	QVH044	Quản lý nhà nước về gia đình State management of Family	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận / Tiểu luận	
36.	QVH025	Quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật Management of art performance activities	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận	
37.	QVH048	Quản lý hoạt động mỹ thuật Management of art activities	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận/ Tiểu luận	
38.	QVH050	Quản lý hoạt động thông tin, truyền thông Management of mass media activities	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận	
39.	QVH052	Gây quỹ và tìm tài trợ	Sự chuyên cần,	Thực hành	Thực hành	

		Fundraising	thái độ học tập, hồ sơ học phần			
40.	CNT017	Thiết kế ấn phẩm truyền thông Designing media publications	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Thực hành	Thực hành	
41.	QVH022	Tổ chức sự kiện Event management	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Thực hành	Thực hành	
42.	QVH030	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp Building an overall art program	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Thực hành	Thực hành	
43.	QVH045	Kỹ năng giao tiếp Communicative Skills	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Thực hành	Thực hành	
44.	QVH058	Teambuilding Teambuilding	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Thực hành	Thực hành	
45.	QVH032	Quản lý dịch vụ văn hóa Cultural service Management	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận	
46.	QVH016	Marketing văn hóa nghệ thuật Art - culture Marketing	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tự luận/vấn đáp	Tự luận	
47.	QVH019	Thực tế chuyên ngành Field trip	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Thực hành	Thực hành	
48.	QVH034	Thực tập cuối khóa Final Internship	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Thực hành	Thực hành	
49.	QVH068	Báo cáo tốt nghiệp Final Internship	Sự chuyên cần, thái độ học tập, hồ sơ học phần	Tiểu luận	Tiểu luận	

## **5. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu**

### **\* Dành cho các học phần lý thuyết**

- Phòng học lý thuyết tại các giảng đường

### **\* Dành cho các học phần ngành/ chuyên ngành đặc thù**

- Phòng máy tính

- Thư viện

**\* Cơ sở vật chất khác**

- Phòng học thực hành ngoại ngữ
- Nhà tập đá nãng, sân bóng

**6. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

**6.1. Chương trình đào tạo đại học *Quản lý văn hóa*** quy định nội dung tổng thể các hoạt động giáo dục của một khóa học thành một hệ thống hoàn chỉnh và phân bổ thời gian theo quy định, căn cứ Quy chế đào tạo Đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số: 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007, Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Thông tư số: 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học. Đồng thời chương trình được thiết kết căn cứ theo Công văn số 2196/BGDĐT- GDĐH ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo; Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/0/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học; Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam; Luật Giáo dục Đại học số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTDT ngày 01/11/2021 về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; Quyết định số 1381/QĐ-ĐVDT ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học trình độ đào tạo đại học tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

Giờ quy đổi tính theo quy định trong Quyết định số: 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

1 Tín chí tính = 15 tiết lý thuyết hay thảo luận trên lớp

1 Tín chỉ tính = 30- 45 tiết giờ bài tập, thực hành hoặc thảo luận

1 Tín chỉ tính = 45-90 giờ thực tập tại cơ sở

1 Tín chỉ tính = 45-60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn, đề án, khóa luận.

1 Tín chỉ tính = 30 giờ chuẩn bị cá nhân đối với học phần lý thuyết hoặc thực hành

1 Giờ học lý thuyết = 50 phút

**6.2. Chương trình được thiết kế theo ngành học** quy định tại Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học ban hành kèm theo.

**6.3. Thời gian và kế hoạch đào tạo**

- Một năm học có hai kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi, kiểm tra. Ngoài hai học kỳ chính, hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm 1 học kỳ hè để người học có các học phần bị đánh giá không đạt ở các học kỳ chính được học lại. Mỗi học kỳ hè có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi, kiểm tra.

- Các học phần, các nội dung hoạt động trong toàn khóa học phải được bố trí sắp xếp, lên kế hoạch hợp lý theo trình tự thời gian thành quy trình đào tạo một cách khoa học do hiệu trưởng quyết định

- Các học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức giáo dục đại cương là kiến thức bắt buộc. Thời lượng và nội dung của các học phần này theo hướng dẫn của Bộ giáo dục và đào tạo.

#### **6.4. Điều kiện thực hiện**

- Về giảng viên:

Giảng viên tham gia giảng dạy chương trình phải có trình độ thạc sĩ trở lên, có kinh nghiệm dạy ngành quản lý văn hóa, đã qua nghiệp vụ sư phạm, có lòng yêu nghề và nhiệt huyết với sự nghiệp giáo dục. Ngoài giảng viên cơ hữu, định kỳ nhà trường mời giảng viên thỉnh giảng của các trường đại học chuyên ngành có kinh nghiệm hoặc chuyên gia của các tập đoàn, công ty có uy tín tham gia giảng dạy, hội thảo chuyên đề hoặc giao lưu với người học đối thoại trực tiếp về định hướng nghề nghiệp.

- Về phương pháp giảng dạy:

Chủ yếu áp dụng các phương pháp giảng dạy đàm thoại, nêu vấn đề, phát huy tích cực của người học, với mục tiêu lấy người học làm trung tâm. Phát huy tính chủ động, sáng tạo đối với người học trong việc tiếp cận, chiếm lĩnh tri thức bài giảng, đặc biệt đối với các học phần chuyên ngành, tăng cường rèn luyện kỹ năng thực hành và thực tế tại cơ sở.

- Về phương tiện giảng dạy và học tập:

Đảm bảo về tiêu chuẩn phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng học đa năng đối với các trang thiết bị đa phương tiện (máy tính, máy chiếu, máy nghe, tivi, máy photo, máy scan, máy ảnh...) nhằm hỗ trợ người dạy và người học khai thác tối đa các ứng dụng khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực chuyên ngành. Thư viện cung cấp đầy đủ giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo phục vụ người dạy và người học trong quá trình giảng dạy và học tập.

**6.5. Quy trình tổ chức đào tạo** thực hiện theo Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTDT ngày 01/11/2021 về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

**6.6. Việc tổ chức kiểm tra và thi học phần** thực hiện theo Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTDT ngày 01/11/2021 về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

**6.7. Việc tổ chức thi tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp** thực hiện theo Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTDT ngày 01/11/2021 về việc ban

hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

**6.8. Phòng Quản lý Đào tạo** theo dõi các khoa chuyên môn liên quan thực hiện các hoạt động dạy và học điều chỉnh và bổ sung chương trình đào tạo theo yêu cầu thực tế đáp ứng nhu cầu xã hội.

**6.9. Hiệu trưởng** ký quyết định ban hành chương trình đào tạo để triển khai thực hiện trong phạm vi nhà trường./.

**TRƯỞNG KHOA**



**TS. Lê Thị Thảo**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



**TS. Lê Thị Thảo**